

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI			KỲ THI CHỌN HSG LỚP 12 THÀNH PHỐ				
			NĂM HỌC 2016-2017				
DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI							
MÔN : TOÁN							
stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	T277	LÊ ANH THÀNH	9/2/1999	12T1	Nguyễn Huệ	20.00	Nhất
2	T137	PHẠM QUANG NAM	14/8/1999	12 T1	HN- Amsterdam	19.75	Nhất
3	T103	PHẠM NAM KHÁNH	26/3/2000	11 T1	HN- Amsterdam	19.50	Nhất
4	T278	LÊ ĐÌNH ĐẠI THÀNH	2/16/1999	12A1	Đồng Quan	19.50	Nhất
5	T012	MAI ĐẶNG QUÂN ANH	10/11/1999	12 T1	HN- Amsterdam	19.00	Nhất
6	T203	NGUYỄN TUẤN ANH	11/2/2000	11T1	Nguyễn Huệ	19.00	Nhất
7	T104	NGÔ THẾ ANH KHOA	7/12/1999	12 T1	HN- Amsterdam	18.50	Nhất
8	T154	NGUYỄN MINH QUANG	28/11/1999	12 T1	HN- Amsterdam	18.50	Nhất
9	T302	ĐỖ ĐỨC ANH	7/21/2000	11T	Sơn Tây	18.50	Nhất
10	T077	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/2/1999	12 T1	HN- Amsterdam	18.00	Nhì
11	T105	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	14/8/2000	11 T1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
12	T003	MAI THIÊN AN	20/7/2000	11 T1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
13	T034	ĐÀO MINH DŨNG	3/11/2000	11 T1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
14	T109	NGUYỄN HOÀNG TÙNG LÂM	28/8/2001	10 T1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
15	T160	NGUYỄN HỒNG SƠN	19/02/1999	12A1	Dương Xá	17.00	Nhì
16	T211	NGUYỄN THU CÚC	13/11/1999	12T1	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì
17	T218	NGUYỄN LƯƠNG DANH	12/29/1999	12A1	Phú Xuyên A	17.00	Nhì
18	T244	BÙI HUY HOÀNG	12/23/1999	12A2	Mỹ Đức A	17.00	Nhì
19	T259	NGUYỄN VŨ LÂN	10/10/1999	12A1	Quốc Oai	17.00	Nhì
20	T265	KIỀU ĐĂNG NAM	3/7/1999	12A2	Quốc Oai	17.00	Nhì
21	T340	NGUYỄN MẠNH THẮNG	7/7/1999	12T	Sơn Tây	17.00	Nhì
22	T097	ĐẶNG QUỐC HUY	1/11/1999	12A1	Đông Anh	16.50	Nhì
23	T127	NGUYỄN BÌNH MINH	25/05/1999	12A1	Cổ Loa	16.50	Nhì
24	T240	ĐINH NGUYỄN TRỌNG HIẾU	28/1/2000	11T1	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
25	T293	LÊ THỊ THU UYÊN	2/1/1999	12A1	Thanh Oai B	16.50	Nhì
26	T309	NGUYỄN VĂN DŨNG	10/23/2000	11A14	Ngọc Tảo	16.50	Nhì
27	T328	LÊ THẾ NAM	1/21/1999	12A14	Ngọc Tảo	16.50	Nhì
28	T043	TRẦN TUẤN DƯƠNG	27/3/1999	12 T1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
29	T126	BÙI BÌNH MINH	1/08/1999	12A2	Kim Liên	16.00	Nhì
30	T221	ĐỖ THÀNH ĐẠT	27/9/1999	12T1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
31	T270	TRẦN THỊ PHẦN	10/30/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	16.00	Nhì
32	T280	NGÔ GIAO THÔNG	2/13/1999	12A1	Mỹ Đức C	16.00	Nhì
33	T301	NGUYỄN THỊ YÊN	4/7/1999	12T1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
34	T305	GIANG THỊ MINH ANH	9/30/1999	12T	Sơn Tây	16.00	Nhì
35	T323	NGUYỄN BẢO LINH	12/28/1999	12T	Sơn Tây	16.00	Nhì
36	T336	NGUYỄN THẾ QUY	8/11/1999	12A6	Tân Lập	16.00	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
37	T222	VƯƠNG TIẾN ĐẠT	14/6/2000	11T1	Nguyễn Huệ	15.50	Nhì
38	T250	TRẦN XUÂN HƯNG	1/1/1999	12T1	Nguyễn Huệ	15.50	Nhì
39	T255	ĐỖ XUÂN HUYNH	1/28/1999	12A5	Chương Mỹ A	15.50	Nhì
40	T272	NGUYỄN CHÍ QUÂN	10/11/2000	11 T1	Nguyễn Huệ	15.50	Nhì
41	T349	NGUYỄN MINH TUỆ	8/25/1999	12A1	Đan Phượng	15.50	Nhì
42	T350	NGUYỄN SƠN TÙNG	7/26/1999	12A1	Đan Phượng	15.50	Nhì
43	T006	TRẦN HOÀNG ANH	13/7/1999	12 T1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
44	T028	TRẦN BẢO CHUNG	5/9/1999	12 T1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
45	T050	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/9/2000	11 T1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
46	T052	PHẠM MINH ĐỨC	1/12/1999	12A8	Kim Liên	15.00	Nhì
47	T083	LÊ VIỆT HOÀNG	10/12/1999	12V0	Lương Thế Vinh	15.00	Nhì
48	T139	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	14/07/1999	12A1	Cổ Loa	15.00	Nhì
49	T172	NGUYỄN MINH THÀNH	21/09/1999	12A1	Đông Anh	15.00	Nhì
50	T195	HOÀNG TÙNG	16/7/2000	11 T1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
51	T200	NGUYỄN NAM VIỆT	24/9/2000	11 T1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
52	T201	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	7/2/1999	12A2	Thanh Oai B	15.00	Nhì
53	T205	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	1/3/1999	12A1	Mỹ Đức B	15.00	Nhì
54	T210	NGÔ QUANG CHIẾN	12/2/1999	12A4	Mỹ Đức A	15.00	Nhì
55	T231	NGUYỄN MINH HẠNH	18/12/1999	12T1	Nguyễn Huệ	15.00	Nhì
56	T257	HOÀNG THANH LÂM	12/3/1999	12A5	Chương Mỹ A	15.00	Nhì
57	T260	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	2/20/1999	12A1	Thường Tín	15.00	Nhì
58	T317	NGUYỄN THỊ HẰNG	3/26/1999	12A3	Bất Bạt	15.00	Nhì
59	T141	NGHIÊM TRỌNG NGHĨA	23/01/1999	12A1	Nguyễn Tất Thành	14.50	Ba
60	T194	NGUYỄN NHƯ TUẤN	22/05/1999	12D1	Thượng Cát	14.50	Ba
61	T215	NGUYỄN TUẤN DŨNG	1/1/1999	12T1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
62	T264	NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	13/7/1999	12T1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
63	T287	BÙI HOÀNG TRIỆU	8/17/1999	12A1	Mỹ Đức B	14.50	Ba
64	T326	NGUYỄN VĂN LỰC	6/5/1999	12A2	Ngô Quyền	14.25	Ba
65	T008	NGUYỄN THỊ LAN ANH	5/02/1999	12A1	Sóc Sơn	14.00	Ba
66	T038	NGUYỄN TIẾN DŨNG	16/11/1999	12A1	Yên Lãng	14.00	Ba
67	T068	TRỊNH THU HẢI	5/6/2000	11 T1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
68	T070	HOÀNG THỊ DIỆU HẰNG	20/11/1999	12A1	Cổ Loa	14.00	Ba
69	T092	NGUYỄN VĨNH HƯNG	10/08/1999	12A1	Nhân Chính	14.00	Ba
70	T125	HOÀNG VĂN MẠNH	01/06/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	14.00	Ba
71	T129	NGUYỄN PHAN MINH	23/03/1999	12T	Chu Văn An	14.00	Ba
72	T140	NGUYỄN THU NGÂN	17/01/1999	12TN1	Yên Hòa	14.00	Ba
73	T143	PHÙNG THỊ MINH NGỌC	16/07/1999	12A1	Yên Lãng	14.00	Ba
74	T150	VŨ ĐẶNG HẢI PHONG	4/02/1999	12T4	Thăng Long	14.00	Ba
75	T208	NGUYỄN LINH CHI	4/7/1999	12T1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
76	T243	ĐỖ ĐẶNG VIỆT HOÀI	25/04/1999	12A3	Hoài Đức A	14.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
77	T258	NGUYỄN THỊ LAN	18/1/1999	12A0	Thanh Oai A	14.00	Ba
78	T275	LƯƠNG THỊ THẨM	12/23/1999	12A1	Tô Hiệu - TTín	14.00	Ba
79	T283	HÀN CÔNG THUẬN	1/6/1999	12A6	Lê Quý Đôn - HĐ	14.00	Ba
80	T297	NGUYỄN TUẤN VƯỢNG	21/1/1999	12T1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
81	T299	LƯƠNG THỊ HẢI YẾN	2/21/1999	12T	Vân Tảo	14.00	Ba
82	T300	NGUYỄN NGỌC YẾN	5/11/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	14.00	Ba
83	T319	VŨ HUY HOÀNG	5/18/1999	12A4	Thạch Thất	14.00	Ba
84	T351	DƯƠNG THANH TÙNG	3/23/1999	12T	Sơn Tây	14.00	Ba
85	T069	NGUYỄN VĂN HẢI	26/06/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	13.50	Ba
86	T081	NGUYỄN VĂN HOÀNG	04/02/1999	12T	Chu Văn An	13.50	Ba
87	T233	VŨ NGỌC HIỀN	8/1/1999	12A0	Thanh Oai A	13.50	Ba
88	T251	NGUYỄN CÔNG HƯỚNG	12/14/1999	12A1	Phú Xuyên B	13.50	Ba
89	T308	HÀ THANH DUNG	7/31/2000	11T	Sơn Tây	13.50	Ba
90	T341	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	10/11/1999	12T	Sơn Tây	13.50	Ba
91	T046	VŨ QUANG ĐẠI	10/05/1999	12A1	Dương Xá	13.00	Ba
92	T063	NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ	17/09/1999	12A1	Trung Giã	13.00	Ba
93	T082	NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/7/1999	12A0	Lương Thế Vinh	13.00	Ba
94	T084	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	11/04/1999	12T	Chu Văn An	13.00	Ba
95	T111	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	07/03/1999	12T	Chu Văn An	13.00	Ba
96	T117	TẠ THỊ BÍCH LOAN	2/4/1999	12N1	Trí Đức	13.00	Ba
97	T133	NGUYỄN HÀ GIÁNG MY	8/07/1999	12A2	Phan Đình Phùng	13.00	Ba
98	T145	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	11/12/1999	12A1	Sóc Sơn	13.00	Ba
99	T173	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	04/02/2000	11T	Chu Văn An	13.00	Ba
100	T177	PHÙNG VĂN THƠM	22/02/1999	12B	Kim Anh	13.00	Ba
101	T225	TRIỆU TIẾN ĐỨC	4/16/1999	12A10	Hoài Đức B	13.00	Ba
102	T228	CHU THỊ THANH HÀ	5/3/2000	11T1	Nguyễn Huệ	13.00	Ba
103	T248	NGUYỄN KIM HÙNG	25/08/1999	12A4	Cao Bá Quát - Q.Oai	13.00	Ba
104	T273	VŨ TRẦN QUANG	31/5/1999	12T1	Nguyễn Huệ	13.00	Ba
105	T276	PHẠM THỊ THẨM	10/7/1999	12A1	Ứng Hòa A	13.00	Ba
106	T295	NGUYỄN THỊ VÂN	26/4/1999	12T1	Nguyễn Huệ	13.00	Ba
107	T296	NGUYỄN QUỐC VIỆT	6/30/1999	12A1	Lưu Hoàng	13.00	Ba
108	T322	PHAN ĐỨC NGHĨA	12/20/1999	12A2	Quảng Oai	13.00	Ba
109	T324	PHÙNG DIỆU LINH	8/19/2000	11T	Sơn Tây	13.00	Ba
110	T332	ĐỖ KIM PHONG	10/29/1999	12A14	Ngọc Tảo	13.00	Ba
111	T335	KIỀU MẠNH QUÂN	1/9/1999	12a1	Phúc Thọ	13.00	Ba
112	T124	VĂN ĐỨC MẠNH	18/4/2000	11 T1	HN- Amsterdam	12.75	Ba
113	T087	PHÙNG ANH HÙNG	24/8/1999	12A1	LiênHà	12.50	Ba
114	T100	NGUYỄN THU HUYỀN	14/04/1999	12A7	Nguyễn Gia Thiều	12.50	Ba
115	T181	PHẠM MINH TIẾN	23/7/1999	12A1	Việt Ba	12.50	Ba
116	T318	HOÀNG THIÊN HIẾU	8/3/1999	12T	Sơn Tây	12.50	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
117	T002	NGUYỄN THANH AN	7/02/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	12.00	K.Khích
118	T015	NGUYỄN QUỐC ANH	17/07/1999	12A1	Cầu Giấy	12.00	K.Khích
119	T017	TRẦN THỂ ANH	1/01/1999	12B	Vân Nội	12.00	K.Khích
120	T027	ĐỖ LINH CHI	10/7/2000	11 T1	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
121	T032	PHAN VĂN CƯỜNG	4/3/1999	12 T1	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
122	T039	BÙI LÊ TUẤN DŨNG	25/04/1999	12T	Chu Văn An	12.00	K.Khích
123	T058	NGUYỄN ĐĂNG TAM GIÁP	27/04/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	12.00	K.Khích
124	T075	LÊ MINH HIẾU	24/11/1999	12A2	Nhân Chính	12.00	K.Khích
125	T078	NGUYỄN VĂN HIẾU	28/12/1999	12a	Minh Phú	12.00	K.Khích
126	T093	LÊ THANH HÙNG	10/10 /1999	12A3	Xuân Đình	12.00	K.Khích
127	T101	NGUYỄN XUÂN KHẢI	12/01/1999	12C	Đa Phúc	12.00	K.Khích
128	T122	NGUYỄN HOÀNG LONG	21/6/2000	11 T1	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
129	T142	THẨM HỒNG NGỌC	30/08/1999	12T	Chu Văn An	12.00	K.Khích
130	T166	DƯƠNG HỒNG THÁI	26/9/2000	11 T2	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
131	T174	NGUYỄN THU THẢO	23/1/1999	12A1	Liên Hà	12.00	K.Khích
132	T190	ĐINH HOÀNG TUẤN	14/09/1999	12A3	Thăng Long	12.00	K.Khích
133	T202	QUÁCH THỊ NGỌC ÁNH	10/4/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	12.00	K.Khích
134	T206	NGUYỄN VŨ VĂN ANH	5/26/1999	12A1	Mỹ Đức C	12.00	K.Khích
135	T213	NGÔ THỊ MINH DIỄM	10/10/1999	12A1	Đồng Quan	12.00	K.Khích
136	T219	NGÔ BÁ ĐẠT	24/01/1999	12A2	Hoài Đức A	12.00	K.Khích
137	T224	BÙI QUANG ĐỨC	12/11/1999	12A1	Xuân Mai	12.00	K.Khích
138	T253	NGUYỄN THU HƯƠNG	1/31/1999	12A1	Tân Dân	12.00	K.Khích
139	T254	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	7/30/1999	12A1	Nguyễn Trãi- TTín	12.00	K.Khích
140	T256	NGUYỄN VĂN KHOA	05/03/1999	12A4	Cao Bá Quát - Q.Oai	12.00	K.Khích
141	T261	NGUYỄN HOÀNG LONG	18/8/2000	11T1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
142	T262	NGUYỄN THÀNH LUÂN	6/3/1999	12T1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
143	T290	HOÀNG THẠCH TÚ	20/10/1999	12T1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
144	T298	NGUYỄN HẢI YẾN	25/12/1999	12T1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
145	T314	NGUYỄN THỊ HÀ	28/7/1999	12A01	Hai Bà Trưng	12.00	K.Khích
146	T315	LÊ THỊ THU HÀ	10/15/1999	12T	Sơn Tây	12.00	K.Khích
147	T320	PHÙNG THỊ HƯỜNG	30/11/1999	12A01	Hai Bà Trưng	12.00	K.Khích
148	T330	BÙI THỊ NGÂN	9/14/1999	12T	Sơn Tây	12.00	K.Khích
149	T352	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	9/9/1999	12A1	Thạch Thất	12.00	K.Khích
150	T327	NGUYỄN THANH TÙNG	8/27/1999	12A3	Quảng Oai	11.75	K.Khích
151	T347	CHU HOÀNG TRUNG	7/26/1999	12A3	Bất Bạt	11.75	K.Khích
152	T005	LÊ DUY ANH	18/01/1999	12A1	Nguyễn Tất Thành	11.50	K.Khích
153	T018	NGUYỄN TIỂU ANH	30/7/2000	11 T1	HN- Amsterdam	11.50	K.Khích
154	T030	NINH ĐỨC CƯỜNG	24/08/1999	12T	Chu Văn An	11.50	K.Khích
155	T042	NGUYỄN THỪA DƯƠNG	16 /12 / 1999	12A7	Xuân Đình	11.50	K.Khích
156	T329	NGUYỄN THÙY NGÀ	9/24/1999	12a1	Phúc Thọ	11.25	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
157	T007	BÙI THỊ LAN ANH	9/05/1999	12C	Đa Phúc	11.00	K.Khích
158	T053	LƯU TUẤN ĐỨC	10/11/1999	12A2	Lê Quý Đôn - Đ Đa	11.00	K.Khích
159	T062	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/09/1999	12A1	Ngô Thi Nhậm	11.00	K.Khích
160	T086	LÊ TRẦN HOÀNH	10/1/2000	11 T1	HN- Amsterdam	11.00	K.Khích
161	T115	TRẦN THƯ LINH	29/04/1999	12A1	Ngọc Hồi	11.00	K.Khích
162	T119	BÙI ĐÌNH LỢI	15/01/1999	12A1	Mê Linh	11.00	K.Khích
163	T158	NGUYỄN ĐẮC ANH SƠN	30/8/1999	12 T1	HN- Amsterdam	11.00	K.Khích
164	T161	PHẠM NGỌC SƠN	10/11/1999	12C	Đa Phúc	11.00	K.Khích
165	T163	ĐỖ NGUYỄN THIÊN SƠN	7/11/1999	12A1	Cầu Giấy	11.00	K.Khích
166	T167	NGUYỄN MINH THÁI	24/10/1999	12A3	Trần Phú - HK	11.00	K.Khích
167	T180	TẠ THỊ THANH THỦY	2/03/1999	12A1	Mê Linh	11.00	K.Khích
168	T217	LÊ DI ĐAN	4/7/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	11.00	K.Khích
169	T232	TRẦN THỊ HIẾU HẢO	2/28/1999	12A1	Đại Cường	11.00	K.Khích
170	T247	PHẠM HỒNG HÙNG	12/26/1999	12A10	Chúc Động	11.00	K.Khích
171	T285	TRỊNH VĂN TIẾN	7/29/1999	12A5	Chương Mỹ A	11.00	K.Khích
172	T307	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	7/14/1999	12A6	Tân Lập	11.00	K.Khích
173	T311	NGUYỄN GIA ĐẠI	2/11/1999	12T	Sơn Tây	11.00	K.Khích
174	T337	PHAN LẠC MẠNH QUYỀN	3/5/1999	12A7	Phùng Khắc Khoan	11.00	K.Khích
175	T346	VŨ THỊ MINH THÚY	7/13/1999	12A6	Tùng Thiện	11.00	K.Khích
176	T047	TÔ HẢI ĐĂNG	22/02/1999	12A1	Sóc Sơn	10.50	K.Khích
177	T131	PHẠM QUANG MINH	18/10/2000	11T	Chu Văn An	10.50	K.Khích
178	T149	NGUYỄN TIẾN PHÁT	13/05/1999	12T	Chu Văn An	10.50	K.Khích
179	T186	ĐỖ QUỐC TRUNG	12/10/1999	12A1	Đoàn Kết - HBT	10.50	K.Khích
180	T192	VŨ MINH TUẤN	12/05/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	10.50	K.Khích
181	T196	TRẦN THANH TÙNG	23/10/1999	12T	Chu Văn An	10.50	K.Khích
182	T291	ĐỖ THANH TÙNG	8/17/1999	12A1	Thường Tín	10.50	K.Khích
183	T294	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	6/27/1999	12A1	Phú Xuyên A	10.50	K.Khích
184	T316	PHÙNG NGỌC HẢI	9/8/1999	12A2	Ngô Quyền	10.50	K.Khích
185	T339	PHÙNG THẾ SƠN	24/1/1999	12A1	Ba Vì	10.50	K.Khích
186	T353	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	3/28/1999	12A6	Tùng Thiện	10.50	K.Khích

MÔN : VẬT LÝ

stt	sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	L034	ĐÌNH ANH DŨNG	14/10/1999	12L1	HN- Amsterdam	19.25	Nhất
2	L224	NGUYỄN DUY CƯỜNG	25/8/1999	12L1	Nguyễn Huệ	19.00	Nhất
3	L111	NGUYỄN VĂN LINH	17/02/1999	12 Lý	Chu Văn An	18.50	Nhất
4	L059	VŨ TUẤN ĐỨC	19/2/2000	11L1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
5	L069	PHAN CÔNG HẬU	8/08/1999	12A11	Cao Bá Quát - GL	18.00	Nhất
6	L081	NGUYỄN MINH HOÀNG	03/09/1999	12 Lý	Chu Văn An	18.00	Nhất

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
7	L091	TRẦN ĐỨC HUY	6/10/2000	11L1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
8	L112	TRẦN XUÂN LỘC	19/09/2000	11 Lý	Chu Văn An	18.00	Nhất
9	L156	TRƯƠNG MINH QUANG	20/04/1999	12 Lý	Chu Văn An	18.00	Nhất
10	L285	HOÀNG THỊ LINH NHI	2/22/1999	12A2	Thường Tín	18.00	Nhất
11	L042	ĐỖ LÊ DUY	9/8/2000	11L1	HN- Amsterdam	16.75	Nhì
12	L151	PHẠM ANH QUÂN	25/08/1999	12A2	Nguyễn Thị M.Khai	16.75	Nhì
13	L225	LẠI TIẾN DŨNG	12/11/1999	12A1	Mỹ Đức C	16.75	Nhì
14	L336	NGUYỄN NHẬT MINH	4/26/1999	12A1	Đan Phượng	16.75	Nhì
15	L010	NGUYỄN THỊ MAI ANH	29/10/1999	12A1	Việt Ba	16.50	Nhì
16	L062	BÙI TÚ HÀ	13/12/1999	12L1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
17	L076	TRẦN TRUNG HIỆU	23/12/1999	12T2	Thăng Long	16.50	Nhì
18	L145	ĐẶNG HỒNG PHONG	24/07/1999	12 Lý	Chu Văn An	16.50	Nhì
19	L188	LÊ ĐÌNH TRUNG		12A1	Ngọc Hồi	16.50	Nhì
20	L243	HOÀNG MINH HIỆP	30/12/2000	11L1	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
21	L263	LÊ QUANG LINH	10/18/1999	12A2	Thanh Oai B	16.50	Nhì
22	L073	NGUYỄN THU HIỆU	17/3/1999	12L1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
23	L040	NGHIÊM THỌ DƯƠNG	3/3/1999	12A1	LiênHà	16.25	Nhì
24	L051	NGUYỄN VĂN ĐẠT	1/03/1999	12A1	Trung Giã	16.25	Nhì
25	L297	NGUYỄN QUANG THIỆN	5/18/1999	12A1	Đồng Quan	16.25	Nhì
26	L001	NGÔ THÁI AN	24/09/1999	12A1	Trung Giã	16.00	Nhì
27	L096	NGUYỄN TRỌNG HUY	06/11/1999	12A5	Nguyễn Gia Thiều	16.00	Nhì
28	L147	ĐỖ XUÂN PHONG	2/3/2000	11L1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
29	L276	NGUYỄN TUẤN MINH	19/1/2000	11L1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
30	L304	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	8/18/1999	12A1	Đồng Quan	16.00	Nhì
31	L340	CẦN QUANG SÁNG	12/10/1999	12A14	Ngọc Tảo	16.00	Nhì
32	L012	ĐIỀU NAM ANH	11/12/1999	12 Lý	Chu Văn An	15.50	Nhì
33	L075	TRẦN TRUNG HIỆU	21/06/1999	12A12	Cao Bá Quát - GL	15.50	Nhì
34	L167	NGUYỄN NGỌC THẮNG	12/12/1999	12L2	HN- Amsterdam	15.50	Nhì
35	L199	TRẦN SƠN TÙNG	6/12/2000	11L2	HN- Amsterdam	15.50	Nhì
36	L328	BÙI NGỌC KHÁNH	10/17/1999	12A5	Thạch Thất	15.50	Nhì
37	L107	NGUYỄN HỮU BÀNG LINH	15/08/2000	11 Lý	Chu Văn An	15.25	Nhì
38	L139	NGUYỄN TIẾN NHÂN	4/12/2000	11L1	HN- Amsterdam	15.25	Nhì
39	L195	NGUYỄN DUY TÚ	04/10/1999	12 Lý	Chu Văn An	15.25	Nhì
40	L282	TRẦN THẢO NGUYỄN	9/12/1999	12L1	Nguyễn Huệ	15.25	Nhì
41	L023	NGUYỄN GIA BÁCH	27/11/1999	12A1	Cổ Loa	15.00	Nhì
42	L132	NGUYỄN VŨ NAM	7/22/1999	12A1	Yên Lãng	15.00	Nhì
43	L158	LÊ NHẬT QUANG	25/12/2000	11L1	HN- Amsterdam	15.00	Nhì
44	L159	DƯƠNG DIỄM QUỲNH	17/9/1999	12A1	LiênHà	15.00	Nhì
45	L205	LÊ XUÂN TÙNG	11/10/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	15.00	Nhì
46	L301	NGUYỄN THỊ TRANG	3/13/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	15.00	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
47	L053	NGUYỄN ĐÌNH HỮU ĐỨC	1/11/2000	11L1	HN- Amsterdam	14.75	Nhì
48	L087	PHAN ĐÌNH HƯNG	13/09/1999	12 Lý	Chu Văn An	14.75	Nhì
49	L113	TRẦN BÁ LONG	18/11/2000	11 Lý	Chu Văn An	14.75	Nhì
50	L166	NGUYỄN NAM THẮNG	15/08/1999	12 Lý	Chu Văn An	14.75	Nhì
51	L271	NGUYỄN HỮU MẠNH	4/10/1999	12A3	Chương Mỹ A	14.75	Nhì
52	L316	NGUYỄN ANH HÀO	10/13/1999	12A7	Phùng Khắc Khoan	14.75	Nhì
53	L349	NGUYỄN ANH TÚ	10/20/2000	11 Lí	Sơn Tây	14.75	Nhì
54	L006	NGUYỄN HẢI ANH	05/09/1999	12 Lý	Chu Văn An	14.50	Ba
55	L025	NGUYỄN VIỆT BÁCH	17/04/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	14.50	Ba
56	L046	TRẦN MẠNH ĐẠT	4/10/1999	12L1	HN- Amsterdam	14.50	Ba
57	L054	HOÀNG MẠNH ĐỨC	19/12/1999	12A1	Đông Anh	14.50	Ba
58	L119	PHẠM VĂN LỰC	22/01/2000	11 Lý	Chu Văn An	14.50	Ba
59	L122	NGUYỄN TUYẾT MAI	15/8/1999	12A1	Việt Ba	14.50	Ba
60	L208	LÊ HỮU TUYỀN	16/10/1999	12A3	Kim Liên	14.50	Ba
61	L210	LÊ MINH VIỆT	8/10/2000	11L1	HN- Amsterdam	14.50	Ba
62	L212	BÙI ANH VŨ	31/08/1999	12A3	Kim Liên	14.50	Ba
63	L234	NGUYỄN SĨ HÀ	7/30/1999	12A2	Thanh Oai B	14.50	Ba
64	L247	PHAN TRUNG HIẾU	10/9/1999	12A1	Tân Dân	14.50	Ba
65	L250	NGUYỄN VĂN HƯNG	5/2/1999	12A9	Lê Quý Đôn - HĐ	14.50	Ba
66	L279	NGUYỄN XUÂN NGHĨA	3/3/2000	11L1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
67	L281	VŨ MINH NGỌC	16/3/2000	11L1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
68	L286	NGUYỄN QUÝ PHÚC	9/15/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	14.50	Ba
69	L294	PHÙNG VĂN SỸ	26/6/1999	12L1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
70	L019	PHẠM TUẤN ANH	26/05/1999	12A2	Nhân Chính	14.25	Ba
71	L061	ĐẶNG THU HÀ	23/2/1999	12L1	HN- Amsterdam	14.25	Ba
72	L150	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	14/05/1999	12 A1	Chu Văn An	14.25	Ba
73	L172	TRẦN QUANG THÀNH	19/1/2000	11L1	HN- Amsterdam	14.25	Ba
74	L176	NGUYỄN KHÁNH THU	09/07/1999	12 Lý	Chu Văn An	14.25	Ba
75	L009	PHẠM HUỆ ANH	7/3/1999	12A3	Việt Đức	14.00	Ba
76	L021	VŨ ĐỨC BẮC	5/13/1999	12A1	Trần Hưng Đạo - TX	14.00	Ba
77	L022	NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	25/3/2000	12L1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
78	L044	NGUYỄN THUY DUYÊN	11/09/1999	12 A1	Chu Văn An	14.00	Ba
79	L084	LÊ VIỆT HOÀNG	19/11/1999	12L1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
80	L099	PHAN SỸ KHÁNH	30/3/1999	12L2	HN- Amsterdam	14.00	Ba
81	L110	BÙI THỊ THÙY LINH	22/09/1999	12A1	Nguyễn Tất Thành	14.00	Ba
82	L141	PHẠM QUỲNH NHI	27/4/1999	12L1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
83	L160	ĐỖ HOÀNG SƠN	10/05/1999	12A1	Sóc Sơn	14.00	Ba
84	L218	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	12/10/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	14.00	Ba
85	L222	NGUYỄN HOÀNG CHÍNH	14/3/2000	11L1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
86	L227	NGUYỄN ĐẮC DƯƠNG	5/9/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	14.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
87	L230	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	3/6/1999	12L1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
88	L245	NGUYỄN LÊ HIẾU	10/3/1999	12L1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
89	L246	NGUYỄN TRUNG HIẾU	21/7/1999	12L1	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
90	L265	NGUYỄN VŨ LINH	2/16/1999	12A2	Quốc Oai	14.00	Ba
91	L321	TRẦN THU HOÀI	9/5/1999	12A13	Ngọc Tảo	14.00	Ba
92	L335	PHÙNG NGỌC MINH	10/1/1999	12A2	Vân Cốc	14.00	Ba
93	L004	VŨ DUY ANH	16/9/2000	11L1	HN- Amsterdam	13.50	Ba
94	L014	HOÀNG QUANG ANH	11/3/1999	12L1	HN- Amsterdam	13.50	Ba
95	L026	ĐỖ VIỆT BÁCH	01/04/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	13.50	Ba
96	L029	NGUYỄN THANH BÌNH	15/05/1999	12TN1	Yên Hòa	13.50	Ba
97	L056	TRẦN MINH ĐỨC	6/2/2000	11L1	HN- Amsterdam	13.50	Ba
98	L077	NGUYỄN THỊ HÒA	3/19/1999	12A2	Yên Viên	13.50	Ba
99	L220	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	6/11/1999	12L2	Nguyễn Huệ	13.50	Ba
100	L237	NGUYỄN QUANG HẢI	28/12/1999	12L2	Nguyễn Huệ	13.50	Ba
101	L266	NGUYỄN HƯNG LONG	9/9/1999	12A1	Phú Xuyên A	13.50	Ba
102	L344	NGUYỄN VĂN THẾ	9/13/1999	12A6	Tùng Thiện	13.50	Ba
103	L048	TRẦN QUANG ĐẠT	19/1/2000	11L1	HN- Amsterdam	13.25	Ba
104	L161	ĐÀM QUANG SƠN	22/12/2000	11L2	HN- Amsterdam	13.25	Ba
105	L184	NGUYỄN MINH TRANG	10/18/1999	12A1	Trần Nhân Tông	13.25	Ba
106	L235	NGUYỄN TÀI HÀ	9/15/1999	12A2	Thường Tín	13.25	Ba
107	L257	VŨ TOÀN KHÁNH	9/6/1999	12L2	Nguyễn Huệ	13.25	Ba
108	L268	TRẦN THỊ CẨM LY	12/29/1999	12A1	Ứng Hòa A	13.25	Ba
109	L324	VŨ TRUNG HƯNG	1/9/1999	12A3	Thạch Thất	13.25	Ba
110	L003	NGUYỄN DUY ĐỨC ANH	28/12/1999	12T1	Thăng Long	13.00	K.Khích
111	L055	BẠCH MINH ĐỨC	1/08/1999	12B4	Lê Quý Đôn - Đ Đa	13.00	K.Khích
112	L082	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	9/02/1999	12A1	Sóc Sơn	13.00	K.Khích
113	L100	ĐỖ MINH KHIÊM	6/12/1999	12A2	Nhân Chính	13.00	K.Khích
114	L104	CAO TUẤN KIẾT	14/11/2000	11L1	HN- Amsterdam	13.00	K.Khích
115	L135	PHÙNG ANH NGUYỄN	10/11/2000	11L1	HN- Amsterdam	13.00	K.Khích
116	L171	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	17/10/1999	12C	Đa Phúc	13.00	K.Khích
117	L194	NGUYỄN ANH TÚ	1/11/1999	12A4	Phan Đình Phùng	13.00	K.Khích
118	L231	NGUYỄN TIẾN ĐÔNG	28/8/1999	12L1	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
119	L239	TRẦN THỊ THU HẰNG	10/7/1999	12A2	Ứng Hòa A	13.00	K.Khích
120	L254	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	7/11/1999	12L1	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
121	L275	TRẦN QUANG MINH	13/3/2000	11L2	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
122	L277	TRỊNH QUỲNH NGÀ	3/1/2000	11L1	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
123	L291	TRẦN TRỌNG SINH	29/3/2000	11L1	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
124	L342	LÊ HOÀNG THANH	12/5/1999	12 Lí	Sơn Tây	13.00	K.Khích
125	L008	VŨ HOÀNG ANH	21/03/1999	12A7	Nguyễn Gia Thiều	12.75	K.Khích
126	L013	NGUYỄN NGỌC ANH	10/14/1999	12A1	Trần Nhân Tông	12.75	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
127	L037	NGUYỄN TUẤN DŨNG	10/23/1999	12A2	Trần Hưng Đạo - TX	12.75	K.Khích
128	L039	ĐỖ ÁNH DƯƠNG	9/16/1999	12A1	Bắc Thăng Long	12.75	K.Khích
129	L041	TẠ TÙNG DƯƠNG	15/5/1999	12L1	HN- Amsterdam	12.75	K.Khích
130	L047	NGUYỄN MINH ĐẠT	2/12/2000	11L1	HN- Amsterdam	12.75	K.Khích
131	L093	VŨ QUANG HÙNG	15/10/2000	11A5	Việt Đức	12.75	K.Khích
132	L109	LƯU THÙY LINH	11/22/1999	12A2	Trần Nhân Tông	12.75	K.Khích
133	L187	TRẦN THỊ THẢO TRANG	19/7 /1999	12A1	Xuân Đình	12.75	K.Khích
134	L319	HÀ ĐỨC HIỆP	4/24/1999	12 Lí	Sơn Tây	12.75	K.Khích
135	L326	KHUẤT THỊ NGỌC HUYỀN	2/18/1999	12 Lí	Sơn Tây	12.75	K.Khích
136	L035	PHẠM THÙY DUNG	27/10/1999	12B4	Lê Quý Đôn - Đ Đa	12.50	K.Khích
137	L045	ĐỖ QUỐC ĐĂNG	5/7/1999	12A1	LiênHà	12.50	K.Khích
138	L090	NGUYỄN AN HUY	29/10/1999	12A1	Ngọc Hồi	12.50	K.Khích
139	L154	NGUYỄN HỒNG QUANG	19/03/1999	12A6	Kim Liên	12.50	K.Khích
140	L190	LÊ QUỐC TRUNG	3/10/1999	12L1	HN- Amsterdam	12.50	K.Khích
141	L201	NGUYỄN THANH TÙNG	27/06/1999	12B	Kim Anh	12.50	K.Khích
142	L251	TẠ LAN HƯƠNG	2/24/1999	12A1	Nguyễn Trãi- TTín	12.50	K.Khích
143	L293	NGUYỄN VĂN SƠN	7/9/1999	12A3	Xuân Mai	12.50	K.Khích
144	L298	NGUYỄN CÔNG THỊNH	25/12/199	12A10	Hoài Đức B	12.50	K.Khích
145	L299	VŨ VĂN THỊNH	3/29/1999	12A2	Chương Mỹ A	12.50	K.Khích
146	L306	LÊ CÔNG UY	4/19/1999	12A4	Mỹ Đức A	12.50	K.Khích
147	L315	LÊ PHƯƠNG HÀ	2/15/2000	11 Lí	Sơn Tây	12.50	K.Khích
148	L327	NGUYỄN THU HUYỀN	9/21/1999	12A6	Tùng Thiện	12.50	K.Khích
149	L027	NGUYỄN XUÂN BÁCH	14/08/1999	12A1	Dương Xá	12.25	K.Khích
150	L030	NGUYỄN MINH CHÍNH	19/2/1999	12L1	HN- Amsterdam	12.25	K.Khích
151	L031	TRẦN VĂN CHUNG	26/12/1999	12A1	Đông Anh	12.25	K.Khích
152	L080	LƯƠNG MINH HOÀNG	24/12/2000	11 Lý	Chu Văn An	12.25	K.Khích
153	L101	TRIỆU ĐẮC KHÔI	18/02/2000	11 Lý	Chu Văn An	12.25	K.Khích
154	L148	TRƯƠNG QUANG PHÚC	7/08/1999	12A1	Cổ Loa	12.25	K.Khích
155	L149	PHẠM CẨM PHƯƠNG	12/07/1999	12A2	Phan Đình Phùng	12.25	K.Khích
156	L196	NGUYỄN DUY ANH TUẤN	18/01/1999	12A2	Phan Đình Phùng	12.25	K.Khích
157	L198	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	23/08/1999	12A3	Lê Quý Đôn - Đ Đa	12.25	K.Khích
158	L300	NGUYỄN XUÂN TÔN	6/3/1999	12A4	Cao Bá Quát - Q.Oai	12.25	K.Khích
159	VL01	CAO MINH QUYỀN	8/12/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	12.25	K.Khích
160	L005	NGUYỄN HUY HÀ ANH	26/8/1999	12A1	Phạm Hồng Thái	12.00	K.Khích
161	L017	NGUYỄN QUỐC ANH	3/11/1999	12A2	Nhân Chính	12.00	K.Khích
162	L032	TRẦN QUỐC CÔNG	30/3/1999	12L1	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
163	L036	LƯU TRÍ DŨNG	15/1/1999	12A1	Phạm Hồng Thái	12.00	K.Khích
164	L063	TRẦN MẠNH HẢI	18/6/2000	11T	Đào Duy Từ	12.00	K.Khích
165	L066	BÙI MINH HẰNG	20/06/1999	12 Lý	Chu Văn An	12.00	K.Khích
166	L071	NGUYỄN MINH HIẾU	9/11/1999	12A2	Trần Nhân Tông	12.00	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
167	L105	VŨ HỮU LÂN	20/4/2000	11L2	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
168	L106	NGUYỄN HỒNG LIÊN	6/06/1999	12A1	Dương Xá	12.00	K.Khích
169	L123	LÊ ĐỨC MẠNH	5/07/1999	12A8	Kim Liên	12.00	K.Khích
170	L131	NGUYỄN NGUYỄN NAM	11/11/1999	12A1	Nguyễn Siêu	12.00	K.Khích
171	L136	ĐỖ THẢO NGUYỄN	25/01/1999	12C	Đa Phúc	12.00	K.Khích
172	L157	NGUYỄN NGỌC QUANG	5/11/1999	12A3	Thạch Bàn	12.00	K.Khích
173	L163	ĐOÀN MINH TÂM	2/02/1999	12A1	Cầu Giấy	12.00	K.Khích
174	L174	ĐỖ ĐỨC THỊNH	23/05/2000	11 Lý	Chu Văn An	12.00	K.Khích
175	L186	PHẠM THỊ MINH TRANG	1/11/2000	11T	Đào Duy Từ	12.00	K.Khích
176	L200	NGUYỄN THANH TÙNG	29/09/1999	12A1	Cổ Loa	12.00	K.Khích
177	L223	NGUYỄN VĂN CÔNG	12/20/1999	12A2	Xuân Mai	12.00	K.Khích
178	L228	NGUYỄN HỮU ĐẠI	2/26/1999	12A3	Mỹ Đức A	12.00	K.Khích
179	L233	DƯƠNG HỒNG ĐỨC	7/21/1999	12A1	Đại Cường	12.00	K.Khích
180	L238	TRẦN THỊ HẰNG	10/10/1999	12A1	Nguyễn Trãi- TTín	12.00	K.Khích
181	L260	PHÙNG THỊ DIỆU LINH	2/16/1999	12A1	Phú Xuyên A	12.00	K.Khích
182	L269	ĐẶNG KHÁNH LY	2/17/1999	12A9	Chúc Động	12.00	K.Khích
183	L274	HUỲNH ĐỨC MINH	25/12/1999	12L1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
184	L290	LÊ VĂN SANG	12/29/1999	12A1	Tô Hiệu - TTín	12.00	K.Khích
185	L302	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	15/4/1999	12L2	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
186	L309	NGUYỄN THỊ VIỆT	15/2/2000	11L1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
187	L323	TRẦN MẠNH HÙNG	11/27/1999	12A2	Ngô Quyền	12.00	K.Khích
188	L333	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	6/3/1999	12A7	Phùng Khắc Khoan	12.00	K.Khích
189	L345	CÁN THỊ THÙY	4/14/1999	12a1	Bắc Lương Sơn	12.00	K.Khích
190	L353	NGUYỄN THỊ VƯỢNG	9/14/1999	12A1	Đan Phượng	12.00	K.Khích

MÔN : HÓA HỌC

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	H297	LÊ HẢI TRIỀU	10/6/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	18.50	Nhất
2	H185	ĐỖ THÀNH TRUNG	10/11/2000	11H 1	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
3	H324	NGUYỄN VĂN HOÀNG	11/15/1999	12A13	Ngọc Tảo	18.25	Nhất
4	H354	BÙI THỊ YẾN	1/28/1999	12A6	Tân Lập	18.25	Nhất
5	H175	DƯƠNG HÀ TRANG	9/7/1999	12H 1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
6	H230	NGUYỄN THU HẰNG	19/8/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
7	H238	NGUYỄN HUY HOÀNG	14/8/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
8	H299	ĐÀO MINH TUẤN	9/14/1999	12A1	Quốc Oai	18.00	Nhất
9	H219	NGUYỄN VĂN CÔNG	21/3/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	17.50	Nhất
10	H250	NGUYỄN TRUNG KHOA	20/11/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	17.25	Nhì
11	H007	TRIỆU HOÀNG ANH	29/07/1999	12A1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	16.75	Nhì
12	H112	VŨ DƯƠNG ANH MINH	9/11/2000	11H 1	HN- Amsterdam	16.75	Nhì
13	H184	ĐÀO QUỐC TRUNG	28/11/1999	12A1	LiênHà	16.75	Nhì
14	H255	ĐỖ HOÀNG LÂN	26/5/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	16.75	Nhì
15	H271	NGUYỄN XUÂN MINH	16/11/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	16.75	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
16	H059	LƯU VIỆT HÀ	8/11/2000	11H 1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
17	H228	NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	10/13/1999	12A1	Mỹ Đức B	16.50	Nhì
18	H329	PHÙNG HẢI LINH	4/29/2000	11H	Sơn Tây	16.50	Nhì
19	H035	ĐỖ HOÀNG DUY	24/12/2000	11H 1	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
20	H042	TRẦN HỒNG ĐỨC	16/12/1999	12H	Chu Văn An	16.25	Nhì
21	H051	BÙI THANH HỒNG GIANG	31/5/2000	11H 1	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
22	H186	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	24/08/1999	12H	Chu Văn An	16.25	Nhì
23	H323	ĐỖ HỮU HIỆP	9/4/1999	12H	Sơn Tây	16.25	Nhì
24	H021	NGUYỄN THANH BÌNH	13/10/1999	12A1	Trung Giã	16.00	Nhì
25	H200	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	13/12/2000	11H 1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
26	H211	VƯƠNG PHƯƠNG ANH	25/9/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
27	H044	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	17/12/1999	12B	Kim Anh	15.50	Nhì
28	H094	NGUYỄN BẢNG THANH LÂM	6/8/1999	12H 1	HN- Amsterdam	15.50	Nhì
29	H210	NGUYỄN LAN ANH	19/12/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	15.50	Nhì
30	H232	NGUYỄN ANH HÀO	3/9/1999	12A1	Đồng Quan	15.50	Nhì
31	H265	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	8/9/1999	12A1	Ứng Hòa A	15.50	Nhì
32	H269	NGUYỄN DOÃN MINH	6/2/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	15.50	Nhì
33	H282	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	6/12/1999	12A1	Đồng Quan	15.50	Nhì
34	H286	NGUYỄN TÀI SỨC	14/10/1999	12A8	Lê Quý Đôn - HĐ	15.50	Nhì
35	H301	NGUYỄN DOÃN TÙNG	5/31/1999	12A5	Chương Mỹ A	15.50	Nhì
36	H028	PHAN DŨNG	12/11/1999	12H	Chu Văn An	15.25	Nhì
37	H104	PHẠM HỮU LỘC	30/3/1999	12V0	Lương Thế Vinh	15.25	Nhì
38	H131	PHẠM KHOA NGUYỄN	03/12/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	15.25	Nhì
39	H137	NGÔ DUY PHONG	23/10/1999	12A1	Cổ Loa	15.25	Nhì
40	H252	NGUYỄN ĐĂNG KIÊN	30/4/1999	12A0	Thanh Oai A	15.25	Nhì
41	H261	HOÀNG LONG	8/20/1999	12A10	Hoài Đức B	15.25	Nhì
42	H089	DƯƠNG THẾ KHANG	07/04/2000	11H	Chu Văn An	15.00	Nhì
43	H103	NGUYỄN ĐỨC LỘC	16/11/1999	12A1	Ngô Thi Nhậm	15.00	Nhì
44	H111	VŨ ANH MINH	21/10/2000	11H	Chu Văn An	15.00	Nhì
45	H129	HOÀNG BÍCH NGỌC	27/09/1999	12H	Chu Văn An	15.00	Nhì
46	H142	TRƯƠNG DUY PHƯƠNG	19/08/1999	12H	Chu Văn An	15.00	Nhì
47	H247	NGUYỄN ANH KHÁ	9/1/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	15.00	Nhì
48	H277	NGUYỄN HỒNG NHUNG	9/16/1999	12A2	Quốc Oai	15.00	Nhì
49	H313	NGUYỄN DOANH CHÍNH	1/5/2000	11H	Sơn Tây	15.00	Nhì
50	H331	NGUYỄN HOÀNG LONG	12/14/1999	12H	Sơn Tây	15.00	Nhì
51	HH02	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	5/9/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	15.00	Nhì
52	H147	LÊ THU PHƯƠNG	23/12/1999	12A1	Cổ Loa	14.75	Ba
53	H190	ĐỖ TUẤN TÚ	30/7/1999	12H 1	HN- Amsterdam	14.75	Ba
54	H237	NGUYỄN KHẮC HOAN	19/12/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	14.75	Ba
55	H287	LÊ THANH TÂM	8/7/1999	12A1	Thường Tín	14.75	Ba
56	H046	NGUYỄN MINH ĐỨC	14/01/1999	12H	Chu Văn An	14.50	Ba
57	H073	ĐÀO VIỆT HOÀNG	15/11/1999	12A1	Sóc Sơn	14.50	Ba
58	H246	VƯƠNG SỸ HUY	12/20/1999	12A4	Cao Bá Quát - Q.Oai	14.50	Ba
59	H314	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	6/12/1999	12A9	Phùng Khắc Khoan	14.50	Ba
60	H025	VŨ TRÍ CÔNG	21/10/2000	11H	Chu Văn An	14.25	Ba
61	H032	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	24/06/1999	12T4	Thăng Long	14.25	Ba
62	H065	VŨ MINH HIẾU	19/7/1999	12A1	Phạm Hồng Thái	14.25	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
63	H213	PHẠM THỊ VÂN ANH	6/5/1999	12A1	Chương Mỹ B	14.25	Ba
64	H241	BÙI MẠNH HÙNG	15/09/1999	12A4	Hoài Đức A	14.25	Ba
65	H243	NGUYỄN VĂN HƯNG	7/4/1999	12A2	Thanh Oai B	14.25	Ba
66	H254	NGUYỄN VĂN KIÊN	3/25/1999	12A1	Mỹ Đức B	14.25	Ba
67	H038	TẠ TIẾN ĐẠT	5/08/1999	12A1	Yên Lãng	14.00	Ba
68	H054	TRƯƠNG QUANG HÀ	8/6/2000	11H 1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
69	H116	ĐỖ BẢO NAM	10/03/2000	11H	Chu Văn An	14.00	Ba
70	H133	NGUYỄN HÀ NHI	20/12/2000	11H 1	HN- Amsterdam	14.00	Ba
71	H159	ĐỖ MINH TÂM	19/12/1999	12H	Chu Văn An	14.00	Ba
72	H173	ĐINH THỊ LỆ THỦY	24/10/1999	12A1	Mê Linh	14.00	Ba
73	H275	NGUYỄN VĂN NGHĨA	9/20/1999	12A12	Trần Đăng Ninh	14.00	Ba
74	H345	NGUYỄN KHẮC THẮNG	7/15/1999	12A2	Thạch Thất	14.00	Ba
75	H006	VŨ NGUYỄN ĐỨC ANH	17/7/2000	11A9	Tây Hồ	13.75	Ba
76	H017	ĐINH TÚ ANH	23/01/1999	12T5	Thăng Long	13.50	Ba
77	H052	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	16/01/1999	12A1	Ngọc Hồi	13.50	Ba
78	H099	LÝ PHƯƠNG LINH	28/03/2000	11H	Chu Văn An	13.50	Ba
79	H124	VŨ VÂN NGÀ	8/2/1999	12H 1	HN- Amsterdam	13.50	Ba
80	H152	BÙI MINH QUANG	22/11/1999	12H	Chu Văn An	13.50	Ba
81	H172	NGUYỄN CÔNG THUẬN	22/11/2000	11H	Chu Văn An	13.50	Ba
82	H183	ĐỖ ĐỨC TRUNG	6/7/1999	12A2	Phạm Hồng Thái	13.50	Ba
83	H203	NGUYỄN THU VÂN	03/10/2000	11H	Chu Văn An	13.50	Ba
84	H205	NGUYỄN ĐÌNH VINH	02/05/1999	12A7	Nguyễn Gia Thiều	13.50	Ba
85	H041	LÊ TRẦN ANH ĐỨC	3/11/2000	11H 1	HN- Amsterdam	13.25	Ba
86	H055	PHẠM THÀNH HÀ	19/10/1999	12A1	Xuân Đình	13.25	Ba
87	H141	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	7/03/1999	12TN1	Yên Hòa	13.25	Ba
88	H157	NGUYỄN THÁI SƠN	12/04/1999	12H	Chu Văn An	13.25	Ba
89	H163	NGÔ QUANG THÀNH	26/04/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	13.25	Ba
90	H194	HÀ DUY TÙNG	7/10/2000	11H 1	HN- Amsterdam	13.25	Ba
91	H221	NGUYỄN THỊ TUYỀN DOAN	11/15/1999	12A1	Mỹ Đức A	13.25	Ba
92	H284	NGUYỄN TRUNG SƠN	3/11/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	13.25	Ba
93	H118	ĐỖ HÀ NAM	27/8/1999	12H 1	HN- Amsterdam	13.00	Ba
94	H123	DƯƠNG THỊ THÚY NGÀ	22/01/1999	12A1	Ngọc Hồi	13.00	Ba
95	H127	ĐỖ TRỌNG NGHĨA	24/02/1999	12C	Đa Phúc	13.00	Ba
96	H215	NGUYỄN VIỆT BẮC	10/11/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	13.00	Ba
97	H348	LÊ THỊ THÚY	4/3/2000	11H	Sơn Tây	13.00	Ba
98	H351	TRẦN QUỐC VIỆT	23/8/1999	12A01	Hai Bà Trưng	13.00	Ba
99	H062	ĐỖ THÚY HẠNH	10/1/1999	12A1	Liên Hà	12.75	Ba
100	H069	LÊ TRUNG HIẾU	4/07/1999	12A5	Ngọc Hồi	12.75	Ba
101	H293	ĐỖ THỊ THU THỦY	11/14/1999	12A1	Đại Cờng	12.75	Ba
102	H319	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	5/29/2000	11H	Sơn Tây	12.75	Ba
103	H107	ĐỖ TRẦN MINH LONG	29/11/2000	11H 1	HN- Amsterdam	12.50	Ba
104	H204	NGUYỄN THẾ VIỆT	27/2/1999	12N3	Trí Đức	12.50	Ba
105	H209	NGUYỄN ĐỨC ANH	24/10/1999	12A4	Lê Quý Đôn - HĐ	12.50	Ba
106	H224	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	11/26/1999	12A1	Thường Tín	12.50	Ba
107	H225	KIỀU TIẾN ĐẠT	4/8/1999	12A1	Ứng Hòa B	12.50	Ba
108	H227	VƯƠNG VĂN ĐỆ	11/6/1999	12A1	Mỹ Đức C	12.50	Ba
109	H256	NGUYỄN ĐỨC LANH	6/25/1999	12A2	Thanh Oai B	12.50	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
110	H067	LÂM THIÊN HIẾU	18/08/1999	12C	Đa Phúc	12.25	K.Khích
111	H084	NGUYỄN QUANG HUY	9/01/1999	12A1	Ngọc Hồi	12.25	K.Khích
112	H125	ĐỖ TRANG NGÂN	26/01/2000	11H	Chu Văn An	12.25	K.Khích
113	H140	NGUYỄN VIỆT PHONG	3/10/1999	12A4	Việt Đức	12.25	K.Khích
114	H153	NGUYỄN MINH QUANG	4/12/1999	12A1	Trung Giã	12.25	K.Khích
115	H180	VŨ THU TRANG	17/12/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	12.25	K.Khích
116	H206	VŨ HỮU HẢI VŨ	09/09/2000	11H	Chu Văn An	12.25	K.Khích
117	H268	NGUYỄN CHÍNH MINH	15/8/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	12.25	K.Khích
118	H279	NGUYỄN HỒNG PHI	12/7/1999	12A1	Nguyễn Trãi- TTín	12.25	K.Khích
119	H312	VŨ XUÂN CHIÊN	9/24/1999	12A2	Vân Cốc	12.25	K.Khích
120	H005	TRẦN ĐỨC ANH	03/07/2000	11 Toán	Chu Văn An	12.00	K.Khích
121	H031	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	4/10/1999	12A1	Cổ Loa	12.00	K.Khích
122	H093	NGUYỄN ĐỨC LÂM	5/01/1999	12B	Kim Anh	12.00	K.Khích
123	H161	BÙI CHÍ THÀNH	29/06/1999	12A2	Nguyễn Thị M.Khai	12.00	K.Khích
124	H242	PHẠM MẠNH HÙNG	29/9/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
125	H249	VŨ DUY KHÁNH	6/11/1999	12A1	Phú Xuyên A	12.00	K.Khích
126	H281	LƯU THỊ PHƯƠNG	11/29/1999	12A1	Tô Hiệu - TTín	12.00	K.Khích
127	H296	NGUYỄN THỊ TRANG	8/30/1999	12A2	Phú Xuyên A	12.00	K.Khích
128	H081	ĐỖ ĐỨC HUY	2/09/1999	12A2	Yên Viên	11.75	K.Khích
129	H098	PHẠM NGUYỄN KHÁNH LINH	20/05/1999	12A4	Thăng Long	11.75	K.Khích
130	H134	PHẠM HỒNG NHUNG	3/10/1999	12A1	LiênHà	11.75	K.Khích
131	H165	NGUYỄN TRUNG THÀNH	26/11/1999	12A2	Xuân Đình	11.75	K.Khích
132	H166	TRẦN PHƯƠNG THẢO	31/10/1999	12A0	Lương Thế Vinh	11.75	K.Khích
133	H197	TRẦN THANH TÙNG	9/7/2000	11H 1	HN- Amsterdam	11.75	K.Khích
134	H318	BÙI QUANG ĐÔ	7/6/2000	11H	Sơn Tây	11.75	K.Khích
135	H328	ĐOÀN THỊ ÁNH LINH	12/22/1999	12H	Sơn Tây	11.75	K.Khích
136	H048	TRẦN HOÀNG MINH ĐỨC	24/02/1999	12A2	Cầu Giấy	11.50	K.Khích
137	H085	PHẠM QUANG HUY	17/01/1999	12A2	Nhân Chính	11.50	K.Khích
138	H130	NGUYỄN THỊ NGỌC	15/08/1999	12A1	Sóc Sơn	11.50	K.Khích
139	H201	HOÀNG NGỌC VÂN	5/9/1999	12A1	LiênHà	11.50	K.Khích
140	H303	NGUYỄN THỊ VUI	7/21/1999	12A1	Tân Dân	11.50	K.Khích
141	H342	LÊ THỊ LAN PHƯƠNG	2/8/1999	12H	Sơn Tây	11.50	K.Khích
142	H018	NGÔ HOÀNG TUẤN ANH	10/11/1999	12T3	Thăng Long	11.25	K.Khích
143	H047	TRẦN MINH ĐỨC	9/9/2000	11H 1	HN- Amsterdam	11.25	K.Khích
144	H117	LƯƠNG ĐỨC NAM	1/06/1999	12A3	Phan Đình Phùng	11.25	K.Khích
145	H207	PHẠM TÀI AN	12/3/1999	12A10	Chương Mỹ A	11.25	K.Khích
146	H208	NGUYỄN ĐỒNG ANH	5/10/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	11.25	K.Khích
147	H216	LÊ MINH BÌNH	19/12/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	11.25	K.Khích
148	H235	LÊ TRỌNG HIẾU	25/9/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	11.25	K.Khích
149	H289	NGUYỄN THỊ THANH THANH	12/8/1999	12H 1	Nguyễn Huệ	11.25	K.Khích
150	H310	ĐOÀN THỊ NGỌC BÍCH	1/17/1999	12A1	Phúc Thọ	11.25	K.Khích
151	H326	CẦN TRUNG KIÊN	5/15/1999	12A4	Thạch Thất	11.25	K.Khích
152	H010	NGUYỄN HUY ANH	28/1/2000	11H 1	HN- Amsterdam	11.00	K.Khích
153	H014	PHẠM QUANG ANH	3/1/2000	11H 1	HN- Amsterdam	11.00	K.Khích
154	H020	CAO VIỆT BÁCH	9/11/1999	12A1	Cổ Loa	11.00	K.Khích
155	H040	VŨ PHƯƠNG ĐÔNG	1/05/1999	12A2	Nhân Chính	11.00	K.Khích
156	H060	NGUYỄN MẠNH HẢI	13/07/1999	12A1	Mê Linh	11.00	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
157	H155	BÙI NGỌC SƠN	19/1/1999	12N5	Trí Đức	11.00	K.Khích
158	H274	NGUYỄN THỊ NGÂN	4/10/2000	11H 1	Nguyễn Huệ	11.00	K.Khích
159	H002	TÀNG QUỐC AN	23/3/2000	11H 1	HN- Amsterdam	10.75	K.Khích
160	H050	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	19/06/1999	12A2	Lê Quý Đôn - Đ Đa	10.75	K.Khích
161	H154	TRẦN HẢI SƠN	25/01/1999	12TN1	Yên Hòa	10.75	K.Khích
162	H259	BÙI DIỆU LINH	11/19/1999	12A4	Xuân Mai	10.75	K.Khích
163	H008	VŨ THỊ HOÀNG ANH	5/09/1999	12A1	Đông Anh	10.50	K.Khích
164	H036	NGUYỄN THÁI DUY	15/9/2000	11H 1	HN- Amsterdam	10.50	K.Khích
165	H105	NGUYỄN HOÀNG LONG	31/1/2000	11H 1	HN- Amsterdam	10.50	K.Khích
166	H122	VŨ THÀNH NAM	9/10/1999	12A4	Việt Đức	10.50	K.Khích
167	H136	NGUYỄN TÚ NINH	21/07/1999	12D1	Thượng Cát	10.50	K.Khích
168	H170	NGUYỄN MINH THƯ	5/5/2000	11H 1	HN- Amsterdam	10.50	K.Khích
169	H187	VŨ ANH TÚ	22/02/1999	12A1	Dương Xá	10.50	K.Khích
170	H251	PHÙNG LÊ TUẤN KHÔI	12/29/1999	12A2	Quang Trung - HĐ	10.50	K.Khích
171	H304	LÊ THỊ YẾN	7/22/1999	12A2	Ứng Hòa A	10.50	K.Khích
172	H343	TRẦN MINH QUANG	9/29/1999	12A13	Ngọc Tảo	10.50	K.Khích
173	H095	ĐẬU HOÀNG LAN	14/8/1999	12H 1	HN- Amsterdam	10.25	K.Khích
174	H178	NGUYỄN THU TRANG	8/11/1999	12N5	Trí Đức	10.25	K.Khích
175	H188	NGUYỄN MINH TÚ	15/05/1999	12H	Chu Văn An	10.25	K.Khích
176	H189	LÊ QUANG TÚ	2/10/1999	12A1	Phạm Hồng Thái	10.25	K.Khích
177	H191	TRỊNH MINH TUÂN	10/12/2000	11H 1	HN- Amsterdam	10.25	K.Khích
178	H264	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	4/29/1999	12A10	Hoài Đức B	10.25	K.Khích

MÔN : SINH HỌC

stt	sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	S002	PHẠM THỊ HIỀN ANH	6/2/2000	11Si	HN- Amsterdam	18.75	Nhất
2	S105	ĐINH QUANG MINH	13/7/2000	11Si	HN- Amsterdam	18.50	Nhất
3	S240	TRẦN QUANG PHI	4/4/1999	12Si	Nguyễn Huệ	18.50	Nhất
4	S093	NGUYỄN HOÀNG LONG	9/11/2000	11Si	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
5	S031	NGUYỄN DANH TÙNG DƯƠNG	4/1/2000	11Si	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
6	S134	CHU THỊ MINH PHƯƠNG	23/6/2000	11Si	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
7	S141	LÊ MINH QUANG	11/09/1999	12A1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	18.00	Nhất
8	S256	NGUYỄN THỊ THẢO	2/7/1999	12Si	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
9	S055	ĐÀO XUÂN HOÀNG	02/03/1999	12Si	Chu Văn An	17.50	Nhì
10	S086	NGUYỄN THÙY LINH	18/10/1999	12Si	Chu Văn An	17.50	Nhì
11	S006	VŨ NGỌC ANH	02/12/1999	12Si	Chu Văn An	17.25	Nhì
12	S143	NGUYỄN NHẬT QUỲNH	11/05/2000	11Si	Chu Văn An	17.25	Nhì
13	S222	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	8/5/2000	11Si	Nguyễn Huệ	17.25	Nhì
14	S317	PHÙNG THỊ TÌNH	12/22/1999	12Si	Sơn Tây	17.25	Nhì
15	S103	VŨ HIỀN MINH	5/10/2000	11Si	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
16	S179	VŨ THỊ LAN ANH	23/3/1999	12Si	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
17	S241	TRỊNH ANH PHƯƠNG	9/10/1999	12Si	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì
18	S247	PHẠM HỒNG SON	4/26/1999	12A4	Phú Xuyên A	17.00	Nhì
19	S288	NGUYỄN HÙNG MINH HIẾU	10/16/1999	12Si	Sơn Tây	17.00	Nhì
20	S012	PHẠM PHƯƠNG ANH	13/01/1999	12A3	Phan Huy Chú - ĐĐa	16.75	Nhì
21	S075	NGUYỄN DIỆU LINH	16/9/2000	11Si	HN- Amsterdam	16.75	Nhì
22	S094	ĐINH HẢI LƯƠNG	29/12/2000	11Si	HN- Amsterdam	16.75	Nhì
23	S208	LÊ TRUNG HIẾU	9/11/1999	12Si	Nguyễn Huệ	16.75	Nhì
24	S293	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	12/19/1999	12Si	Sơn Tây	16.75	Nhì
25	S032	BÙI QUANG DUY	28/4/1999	12Si	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
26	S069	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	10/04/1999	12B	Kim Anh	16.50	Nhì
27	S104	PHẠM THỊ NGỌC MINH	26/1/2000	11Si	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
28	S168	TẠ ĐỨC TÙNG	01/10/2000	11Si	Chu Văn An	16.50	Nhì
29	S273	CAO HẢI YẾN	31/7/1999	12Si	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
30	S294	TRẦN DIỆU LINH	10/4/1999	12Si	Sơn Tây	16.50	Nhì
31	S011	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	8/11/1999	12A1	Sóc Sơn	16.25	Nhì
32	S013	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG ANH	29/11/1999	12A1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	16.25	Nhì
33	S016	HOÀNG THỊ VÂN ANH	19/6/1999	12A9	LiênHà	16.25	Nhì
34	S022	NGÔ THỊ MINH CHI	14/07/2000	11Si	Chu Văn An	16.25	Nhì
35	S102	TÔ HIỀN MINH	17/10/1999	12Si	Chu Văn An	16.25	Nhì
36	S122	NGUYỄN THỊ MỸ NHÌ	10/12/2000	11Si	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
37	S156	NGUYỄN NGỌC THU	15/02/1999	12A10	Cao Bá Quát - GL	16.25	Nhì
38	S174	NGUYỄN THỊ YẾN	27/10/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	16.25	Nhì
39	S225	TRẦN THỊ LUYẾN	8/20/1999	12A3	Xuân Mai	16.25	Nhì
40	S227	NGUYỄN THỊ MAI CHI	7/5/1999	12A9	Minh Khai	16.25	Nhì
41	S267	NGUYỄN MINH TRÍ	7/9/2000	11Si	Nguyễn Huệ	16.25	Nhì
42	S009	ĐINH PHƯƠNG ANH	20/5/2000	11Si	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
43	S077	NGUYỄN HIỀN LINH	3/07/1999	12A1	Trung Giã	16.00	Nhì
44	S198	KIỀU THANH HẰNG	28/7/1999	12Si	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
45	S251	TRẦN THỊ MINH TÂM	7/7/1999	12A3	Thường Tín	16.00	Nhì
46	S035	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	11/09/1999	12T3	Thăng Long	15.25	Nhì
47	S091	NGUYỄN THANH LOAN	8/11/2000	11Si	HN- Amsterdam	15.25	Nhì
48	S113	NGUYỄN THỊ NGÀ	1/7/1999	12A9	LiênHà	15.25	Nhì
49	S210	TRẦN THỊ HOA	15/12/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.25	Nhì
50	S216	NGUYỄN BÁ HUY	12/03/1999	12A4	Hoài Đức A	15.25	Nhì
51	S236	PHẠM THẢO NGUYỄN	22/10/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.25	Nhì
52	S283	NGUYỄN THU HÀ	2/17/1999	12Si	Sơn Tây	15.25	Nhì
53	S057	PHẠM TUẤN HÙNG	23/2/2000	11Si	HN- Amsterdam	15.00	Ba
54	S082	ĐỖ MAI LINH	09/09/2000	11Si	Chu Văn An	15.00	Ba
55	S117	VŨ BÍCH NGỌC	10/11/1999	12A6	Ngọc Hồi	15.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
56	S124	NGUYỄN HỒNG NHUNG	20/01/1999	12D1	Cầu Giấy	15.00	Ba
57	S135	LÊ THỊ THANH PHƯƠNG	18/12/1999	12T4	Thăng Long	15.00	Ba
58	S154	PHẠM VĂN THÀNH	2/10/1999	12A1	Ngọc Hồi	15.00	Ba
59	S165	NGUYỄN THÀNH TRUNG	11/8/2000	11Si	HN- Amsterdam	15.00	Ba
60	S169	HÀ TRỊNH PHƯƠNG UYÊN	24/1/2000	11Si	HN- Amsterdam	15.00	Ba
61	S192	NGUYỄN XUÂN GIANG	2/12/1999	12Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
62	S195	ĐOÀN THANH HẢI	15/8/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
63	S202	NGUYỄN THỊ HẠNH	30/6/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
64	S217	LÊ NGỌC HUYỀN	2/13/1999	12A1	Tô Hiệu - TTín	15.00	Ba
65	S224	NGÔ HẢI HOÀNG LONG	13/9/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
66	S231	NGUYỄN THỊ NHƯ NGÀ	2/19/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	15.00	Ba
67	S233	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	7/9/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
68	S258	NGUYỄN ANH THU	10/7/2000	11Si	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
69	S279	KHUẤT THỊ KIM DUNG	11/9/1999	12Si	Sơn Tây	15.00	Ba
70	S298	NGUYỄN DIỆU LY	5/27/1999	12A1	Phúc Thọ	15.00	Ba
71	S310	TRẦN QUỐC THÀNH	8/17/2000	11Si	Sơn Tây	15.00	Ba
72	S021	LÊ LINH CHÍ	9/08/1999	12A1	Cầu Giấy	14.75	Ba
73	S026	VÕ TRUNG DŨNG	14/6/2000	11Si	HN- Amsterdam	14.75	Ba
74	S043	VŨ HỒNG HẢI	5/05/1999	12 A1	Trần Hưng Đạo - TX	14.75	Ba
75	S053	TRẦN LÊ VIỆT HOÀN	16/05/1999	12A1	Kim Liên	14.75	Ba
76	S215	LÊ THỊ THU HƯƠNG	2/2/1999	12A1	Đại Cờng	14.75	Ba
77	S039	HOÀNG THỊ HÀ	27/03/1999	12B	Xuân Giang	14.50	Ba
78	S045	VŨ THU HẰNG	7/09/1999	12T4	Thăng Long	14.50	Ba
79	S118	NGUYỄN HỒNG NGỌC	19/12/1999	12T4	Thăng Long	14.50	Ba
80	S137	PHẠM THÙY PHƯƠNG	6/03/1999	12B	Đa Phúc	14.50	Ba
81	S197	NGUYỄN THỊ HÂN	10/06/1999	12A2	Hoài Đức A	14.50	Ba
82	S235	TRẦN THỊ HẠNH NGUYÊN	18/9/1999	12Si	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
83	S005	NGUYỄN LAN ANH	1/11/2000	11A1	Sóc Sơn	14.25	Ba
84	S123	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	4/19/1999	12A6	Trần Nhân Tông	14.25	Ba
85	S151	NGUYỄN THỊ THẨM	1/09/1999	12A10	Cao Bá Quát - GL	14.25	Ba
86	S153	NGUYỄN PHÚC THẮNG	6/09/1999	12T2	Thăng Long	14.25	Ba
87	S172	PHAN HOÀNG VƯƠNG	12/2/1999	12A7	Lý Thường Kiệt	14.25	Ba
88	S205	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	7/29/1999	12A4	Mỹ Đức A	14.25	Ba
89	S220	NGUYỄN THỊ LINH	10/17/1999	12A10	Chương Mỹ A	14.25	Ba
90	S260	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	4/5/2000	11Si	Nguyễn Huệ	14.25	Ba
91	S274	NGUYỄN THỊ MAI	4/4/1999	12A3	Quảng Oai	14.25	Ba
92	S277	HÀ THỊ VÂN ANH	11/29/1999	12Si	Sơn Tây	14.25	Ba
93	S290	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	1/16/1999	12A1	PTDT Nội trú	14.25	Ba
94	S291	NGUYỄN ĐỨC HUY	10/28/1999	12A5	Thạch Thất	14.25	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
95	S037	PHẠM NGỌC HÀ	4/11/1999	12A1	Kim Liên	14.00	Ba
96	S064	LẠI QUANG HUY	11/11/1999	12A7	Xuân Đình	14.00	Ba
97	S200	LƯƠNG MỸ HẠNH	25/10/2000	11Si	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
98	S238	LƯU YẾN NHI	7/7/1999	12A1	Nguyễn Du - Th.Oai	14.00	Ba
99	S282	CẦN THU HÀ	1/12/1999	12A2	Thạch Thất	14.00	Ba
100	S307	ĐẶNG VĂN QUÝ	8/24/1999	12A1	Đan Phượng	14.00	Ba
101	S003	PHẠM HOÀNG ANH	22/01/1999	12A3	Phan Huy Chú - ĐĐa	13.75	K.Khích
102	S287	PHÍ THỊ THU HIỀN	17/4/1999	12A01	Hai Bà Trưng	13.75	K.Khích
103	S299	NGUYỄN THỊ DIỆU LY	2/15/1999	12A2	Ngô Quyền	13.75	K.Khích
104	S315	NGÔ THỊ KIM THƯ	10/25/1999	12A3	Đan Phượng	13.75	K.Khích
105	S023	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	26/12/1999	12A5	Yên Viên	13.50	K.Khích
106	S044	TRẦN THANH HẰNG	15/02/2000	11Si	Chu Văn An	13.50	K.Khích
107	S056	NGUYỄN NGUYỆT HỒNG	12/1/1999	12A1	Liên Hà	13.50	K.Khích
108	S089	ĐÀO NGUYỄN THÙY LINH	26/05/1999	12A3	Nguyễn Tất Thành	13.50	K.Khích
109	S092	PHẠM MINH LỘC	13/11/1999	12A3	Phạm Hồng Thái	13.50	K.Khích
110	S095	BÙI HƯƠNG LY	8/09/1999	12A1	Nguyễn Thị M.Khai	13.50	K.Khích
111	S106	PHAN THANH MINH	24/04/1999	12A1	Ngọc Hồi	13.50	K.Khích
112	S147	NGUYỄN HOÀNG SƠN	05/07/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	13.50	K.Khích
113	S162	TRẦN PHƯƠNG TRANG	13/01/1999	12A2	Kim Liên	13.50	K.Khích
114	S249	NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	12/11/1999	12A9	Minh Khai	13.50	K.Khích
115	S259	NGUYỄN MINH THƯ	8/8/1999	12A2	Phú Xuyên A	13.50	K.Khích
116	S268	ĐÀM THỊ TRINH	9/28/1999	12A1	Mỹ Đức B	13.50	K.Khích
117	S281	PHẠM QUANG HÀ	5/14/1999	12Si	Sơn Tây	13.50	K.Khích
118	SI01	NGUYỄN MỸ HẠNH	2/5/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	13.50	K.Khích
119	S063	ĐẶNG THỊ VIỆT HƯƠNG	26/08/1999	12A1	Đông Anh	13.25	K.Khích
120	S114	LÊ THỊ THÚY NGÀ	20/09/2000	11Si	Chu Văn An	13.25	K.Khích
121	S120	LƯU MINH NGUYỆT	11/06/1999	12A1	Yên Lãng	13.25	K.Khích
122	S142	NGUYỄN TRỌNG NHẬT QUANG	30/4/2000	11Si	HN- Amsterdam	13.25	K.Khích
123	S149	ĐẶNG ANH TÀI	4/8/2000	11Si	HN- Amsterdam	13.25	K.Khích
124	S167	NGUYỄN THANH TÚ	7/08/1999	12A4	Cổ Loa	13.25	K.Khích
125	S182	LÊ THỊ BÍCH	8/24/1999	12A2	Mỹ Đức B	13.25	K.Khích
126	S183	NGUYỄN THỊ HUỆ CHI	10/29/1999	12A1	Lưu Hoàng	13.25	K.Khích
127	S206	NGUYỄN THỊ HIỀN	9/16/1999	12A10	Chương Mỹ A	13.25	K.Khích
128	S207	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	31/7/1999	12A8	Lê Quý Đôn - HĐ	13.25	K.Khích
129	S242	TRƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	11/6/1999	12A2	Phú Xuyên A	13.25	K.Khích
130	S286	KIỀU THỊ THU HẰNG	28/9/1999	12A1	Ba Vì	13.25	K.Khích
131	S302	VŨ VIỆT NHẬT	9/14/1999	12A1	Quảng Oai	13.25	K.Khích
132	S308	NGUYỄN TÚ QUYÊN	11/3/1999	12A11	Ngọc Tảo	13.25	K.Khích
133	S042	HOÀNG VIỆT HÀ	24/5/2000	11Si	HN- Amsterdam	13.00	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
134	S119	KHÔNG MINH NGỌC	8/1/2000	11Si	HN- Amsterdam	13.00	K.Khích
135	S176	TRỊNH HÀ ANH	11/29/1999	12A3	Quốc Oai	13.00	K.Khích
136	S188	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	6/15/1999	12A1	Lưu Hoàng	13.00	K.Khích
137	S275	TRẦN MINH ÁNH	9/28/2000	11Si	Sơn Tây	13.00	K.Khích
138	S296	NGUYỄN THÙY LINH	4/25/1999	12Si	Sơn Tây	13.00	K.Khích
139	S010	MAI PHƯƠNG ANH	26/01/1999	12A2	Nguyễn Gia Thiều	12.75	K.Khích
140	S017	ĐỖ TUẤN BẢO	17/11/1999	12N1	Nguyễn Tất Thành	12.75	K.Khích
141	S038	LÊ QUANG HÀ	26/10/1999	12Si	Chu Văn An	12.75	K.Khích
142	S062	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	6/10/1999	12A2	Phan Đình Phùng	12.75	K.Khích
143	S067	PHẠM THANH HUYỀN	15/11/1999	12A1	Xuân Đình	12.75	K.Khích
144	S071	TRẦN QUỐC KHÁNH	9/09/1999	12C	Đa Phúc	12.75	K.Khích
145	S090	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	30/07/1999	12A4	Cổ Loa	12.75	K.Khích
146	S181	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	3/2/2000	11Si	Nguyễn Huệ	12.75	K.Khích
147	S185	LƯU CÔNG DŨNG	3/6/1999	12A5	Xuân Mai	12.75	K.Khích
148	S186	NGUYỄN CẢNH ĐẶNG DŨNG	8/10/2000	11Si	Nguyễn Huệ	12.75	K.Khích
149	S204	NGUYỄN BÁ HẢO	11/24/1999	12A4	Trần Đăng Ninh	12.75	K.Khích
150	S237	ĐÀO VĂN NHẬT	2/26/1999	12A1	Đồng Quan	12.75	K.Khích
151	S297	NGUYỄN HỮU LONG	1/13/1999	12A14	Ngọc Tảo	12.75	K.Khích
152	S008	ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH	5/02/1999	12A1	Nguyễn Văn Cừ	12.50	K.Khích
153	S030	PHẠM THÙY DƯƠNG	29/6/1999	12A3	Phạm Hồng Thái	12.50	K.Khích
154	S127	TRẦN THỊ KIỀU OANH	23/06/1999	12A1	Dương Xá	12.50	K.Khích
155	S300	SÀM THỊ LÝ	5/23/1999	12A1	Hữu nghị T78	12.50	K.Khích
156	S058	ĐÀO MAI HƯƠNG	27/01/1999	12A1	Đoàn Kết - HBT	12.25	K.Khích
157	S096	VŨ THỊ THẢO LY	28/09/1999	12A7	Nguyễn Gia Thiều	12.25	K.Khích
158	S101	LƯƠNG HỒ TRÚC MAI	27/12/1999	12A2	Nguyễn Thị M.Khai	12.25	K.Khích
159	S144	HÀ TÚ QUỲNH	01/11/2000	11Si	Chu Văn An	12.25	K.Khích
160	S148	NGUYỄN THẾ SƠN	17/07/1999	12 A5	Trần Hưng Đạo - TX	12.25	K.Khích
161	S226	LÊ THỊ HƯƠNG LY	28/10/1999	12A0	Thanh Oai A	12.25	K.Khích
162	S228	PHẠM HOÀI NAM	9/3/1999	12A4	Thanh Oai B	12.25	K.Khích
163	S229	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	10/4/1999	12A1	Mỹ Đức A	12.25	K.Khích
164	S250	NGUYỄN ĐỨC TÀI	11/22/1999	12A4	Cao Bá Quát - Q.Oai	12.25	K.Khích
165	S262	NGUYỄN THỊ TRANG	6/7/1999	12A10	Chương Mỹ A	12.25	K.Khích

MÔN : TIN HỌC

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	I035	LÊ MINH HẢI PHONG	28/1/1999	12	HN- Amsterdam	20.00	Nhất
2	I046	NGUYỄN MINH TUẤN	27/8/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	19.60	Nhất
3	I025	TRẦN THÙY LỰC	12/5/1999	12	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
4	I137	ĐỖ THỊ HỒNG NGÁT	30/3/1999	12 Tin	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
5	I143	NGUYỄN VĨNH THỊNH	4/12/1999	12 Tin	Nguyễn Huệ	17.50	Nhì
6	I024	LÊ ĐỨC LONG	1/1/1999	12	HN- Amsterdam	17.40	Nhì
7	I006	NGUYỄN DUY CHÍ DŨNG	04/05/2000	11 Tin	Chu Văn An	17.20	Nhì
8	I027	TRẦN QUỲNH MAI	29/12/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
9	I034	LÊ MINH NGHĨA	08/10/1999	12Tin	Chu Văn An	17.00	Nhì
10	I040	NGUYỄN MINH TÂN	8/2/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
11	I050	ĐỖ HOÀNG VIỆT	04/06/1999	12 Tin	Chu Văn An	16.50	Nhì
12	I063	BÙI VIỆT DŨNG	6/12/2000	11A3	Kim Liên	16.50	Nhì
13	I047	TRẦN MINH TUẤN	11/10/1999	12	HN- Amsterdam	16.40	Nhì
14	I008	LƯU HỒNG DƯƠNG	20/06/2000	11 Tin	Chu Văn An	16.20	Nhì
15	I074	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	11/01/1999	12A10	Cao Bá Quát - GL	16.10	Nhì
16	I017	VŨ ĐỨC HÙNG	29/10/1999	12	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
17	I021	TRẦN TRUNG KIÊN	3/1/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
18	I030	PHAN NHẬT MINH	23/11/1999	12	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
19	I037	NGUYỄN ANH QUÂN	21/12/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
20	I039	TẠ KIẾN QUỐC	30/6/2001	10 Tin	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
21	I049	HOÀNG TUẤN ANH VĂN	25/08/1999	12 Tin	Chu Văn An	16.00	Nhì
22	I135	NGUYỄN HỮU HOÀI NAM	29/6/1999	12 Tin	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
23	I028	PHẠM NHƯ MẠNH	7/5/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	15.40	Ba
24	I125	NGUYỄN HUY HOÀNG	13/8/2000	11Hóa1	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
25	I033	NGUYỄN NHƯ HOÀNG NAM	21/10/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	14.90	Ba
26	I031	VÕ NHẬT MINH	2/4/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	14.40	Ba
27	I015	NGUYỄN TRUNG HIẾU	29/09/1999	12 Tin	Chu Văn An	14.40	Ba
28	I016	PHÙNG TRỌNG HOÀNG	13/12/1999	12	HN- Amsterdam	14.30	Ba
29	I032	NGUYỄN VÕ KHẮC MINH	28/10/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	14.30	Ba
30	I004	LƯU NGUYỄN NGỌC BÁCH	7/2/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	14.20	Ba
31	I042	NGUYỄN VĂN TIẾN	17/03/1999	12 Tin	Chu Văn An	14.20	Ba
32	I048	CAO HOÀNG TÙNG	21/4/2001	10 Tin	HN- Amsterdam	14.20	Ba
33	I130	TẠ THỊ HUYỀN	12/3/2000	11 Tin	Nguyễn Huệ	14.20	Ba
34	I014	LÊ TRUNG HIẾU	17/02/2000	11 Tin	Chu Văn An	14.00	Ba
35	I018	NGUYỄN HỮU HƯNG	23/08/2000	11 Tin	Chu Văn An	14.00	Ba
36	I023	NGUYỄN DUY LINH	22/09/2000	11 Tin	Chu Văn An	14.00	Ba
37	I043	PHẠM NGỌC ANH TRANG	21/09/1999	12 Tin	Chu Văn An	14.00	Ba
38	I044	LÊ QUỲNH TRANG	20/6/1999	12	HN- Amsterdam	14.00	Ba
39	I051	PHÙNG HOÀNG VIỆT	24/01/2000	11 Tin	Chu Văn An	14.00	Ba
40	I053	PHẠM ĐỨC ANH	10/9/1999	12A2	Trần Nhân Tông	14.00	Ba
41	I075	TRẦN HỮU HOÀNG	8/02/1999	12A9	Kim Liên	14.00	Ba
42	I083	NGUYỄN ĐỨC LINH	30/11/1999	12A1	Dương Xá	14.00	Ba
43	I090	LÊ XUÂN PHÚ	21/03/1999	12A5	Nguyễn Thị M.Khai	14.00	Ba
44	I104	TRẦN QUANG VINH	11/05/1999	12A3	Nguyễn Gia Thiều	14.00	Ba
45	I106	NGUYỄN THỊ VY ANH	27/8/2000	11 Tin	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
46	I113	TÔ HUYỀN DIỆU	8/6/2000	11 Tin	Nguyễn Huệ	14.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
47	I147	BÙI QUANG TUẤN	7/10/1999	12 Tin	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
48	I149	ĐẶNG TRUNG ĐỨC ANH	1/13/1999	12A7	Phùng Khắc Khoan	14.00	Ba
49	I154	NGUYỄN SƠN HẢI	12/23/1999	12Tin	Sơn Tây	14.00	Ba
50	I159	PHÙNG NGỌC QUANG HUY	10/29/1999	12Tin	Sơn Tây	14.00	Ba
51	I058	TRẦN VIỆT ANH	27/10/2000	11N1	Nguyễn Tất Thành	13.70	K.Khích
52	I020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/09/2000	11 Tin	Chu Văn An	13.20	K.Khích
53	I002	VÕ HẰNG MAI ANH	23/03/1999	12 Tin	Chu Văn An	13.00	K.Khích
54	I077	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	30/01/1999	12A14	Đồng Đa	13.00	K.Khích
55	I013	NGUYỄN MINH HIẾU	18/07/1999	12 Tin	Chu Văn An	12.60	K.Khích
56	I010	PHẠM HỒNG ĐỨC	06/11/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.40	K.Khích
57	I045	TÔ ANH TUẤN	26/06/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.30	K.Khích
58	I005	VƯƠNG PHẠM BẢO CHÂU	16/10/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.00	K.Khích
59	I007	HỒ MINH DŨNG	21/7/2000	11 Tin	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
60	I009	NGUYỄN THÀNH ĐÔ	22/1/2001	10 Tin	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
61	I012	NGUYỄN ĐẶNG HIẾU	22/12/1999	12	HN- Amsterdam	12.00	K.Khích
62	I019	TRẦN BẢO HUYỀN	26/08/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.00	K.Khích
63	I026	CAO THIÊN LƯƠNG	26/12/1999	12 Tin	Chu Văn An	12.00	K.Khích
64	I029	NGUYỄN VÕ ANH MINH	28/03/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.00	K.Khích
65	I038	NGUYỄN THẾ QUÂN	22/05/2000	11 Tin	Chu Văn An	12.00	K.Khích
66	I059	ĐẶNG HỮU CẢNH	16/12/1999	12A9	Cao Bá Quát - GL	12.00	K.Khích
67	I060	PHẠM QUỐC CƯỜNG	29/01/1999	12T4	Thăng Long	12.00	K.Khích
68	I080	HOÀNG GIA LÂM	3/03/1999	12A6	Cổ Loa	12.00	K.Khích
69	I084	ĐẶNG HOÀNG LONG	11/04/1999	12T1	Thăng Long	12.00	K.Khích
70	I091	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	3/1/1999	12A2	Trần Nhân Tông	12.00	K.Khích
71	I103	LÊ ANH VIỆT	28/3/1999	12A3	Việt Đức	12.00	K.Khích
72	I122	BÙI THỊ HẠNH	24/1/2001	10 Tin	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
73	I131	NGUYỄN DUY KHÁNH	9/8/1999	12A2	Lê Quý Đôn - HĐ	12.00	K.Khích
74	I160	NGUYỄN ĐẶNG TRUNG KIÊN	7/27/1999	12A6	Tân Lập	12.00	K.Khích
75	I167	PHẠM NGỌC SƠN	9/22/1999	12A6	Tùng Thiện	12.00	K.Khích
76	I172	LÊ VĂN VƯƠNG	12/16/2000	11A4	Phúc Thọ	12.00	K.Khích
77	TI01	TRƯƠNG QUANG NAM	8/15/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	12.00	K.Khích
78	I041	ĐINH VIỆT THI	29/11/2001	10 Tin	HN- Amsterdam	11.00	K.Khích
79	I070	HOÀNG TRUNG HIẾU	31/10/1999	12A4	Nguyễn Trãi - BĐ	10.50	K.Khích
80	I087	NGUYỄN THẾ NAM	15/03/1999	12B	Vân Nội	10.40	K.Khích
81	I086	NGUYỄN HUY MINH	14/8/1999	12A6	Việt Đức	10.00	K.Khích
82	I119	PHẠM QUANG DUY	10/12/2000	11 Tin	Nguyễn Huệ	10.00	K.Khích
83	I129	PHẠM KHÁNH HƯNG	19/1/1999	12 Tin	Nguyễn Huệ	10.00	K.Khích
84	I140	ĐỖ ANH QUÂN	13/1/2000	11 Tin	Nguyễn Huệ	10.00	K.Khích
85	I168	KHUẤT THỊ THƯ	9/27/2000	11 Tin	Sơn Tây	10.00	K.Khích
86	I001	NGUYỄN TRƯỜNG AN	10/8/1999	12	HN- Amsterdam	9.00	K.Khích
87	I121	NGUYỄN VIỆT THÀNH ĐẠT	12/27/1999	12A10	Hoài Đức B	9.00	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
MÔN : NGỮ VĂN							
stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	V309	CAO THỊ TRANG	6/19/1999	12A11	Chương Mỹ A	18.50	Nhất
2	V311	NGUYỄN THU TRANG	5/12/1999	12V	Nguyễn Huệ	18.50	Nhất
3	V056	VŨ THU HÀ	26/10/1999	12A9	Nhân Chính	18.00	Nhất
4	V071	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	3/2/2000	11V	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
5	V010	NGUYỄN KIM ANH	7/11/1999	12D4	Yên Hòa	17.50	Nhất
6	V040	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	27/05/1999	12B10	Nguyễn Thị M.Khai	17.50	Nhất
7	V152	NGUYỄN HUYỀN NHUNG	26/11/1999	12A11	Liên Hà	17.50	Nhất
8	V213	BÙI KHÁNH VÂN	10/11/2000	11V	HN- Amsterdam	17.50	Nhất
9	V267	THÂN HƯƠNG LY	4/12/1999	12V	Nguyễn Huệ	17.50	Nhất
10	V304	NGUYỄN THỊ THU THỦY	1/20/1999	12A8	Hợp Thanh	17.50	Nhất
11	V062	PHẠM THỊ NGỌC HẠNH	27/6/1999	12D3	Việt Đức	17.00	Nhì
12	V076	NGUYỄN THỊ HOA	27/07/1999	12A9	Yên Lãng	17.00	Nhì
13	V089	NGUYỄN LỆ HUYỀN	16/01/1999	12D1	Phan Huy Chú - ĐĐa	17.00	Nhì
14	V168	VŨ THỊ VIỆT PHƯƠNG	18/08/1999	12D2	Phan Đình Phùng	17.00	Nhì
15	V268	HÀ KHÁNH LY	7/20/1999	12A2	Xuân Mai	17.00	Nhì
16	V349	LÊ THỊ LAN PHƯƠNG	6/29/1999	12V	Sơn Tây	17.00	Nhì
17	V357	NGUYỄN THÙY TIỀN	2/1/1999	12V	Sơn Tây	17.00	Nhì
18	V008	NGUYỄN HUYỀN ANH	29/7/1999	12D1	Tây Hồ	16.50	Nhì
19	V048	NGUYỄN BỘI MINH HÀ	11/6/2000	11V	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
20	V058	NGUYỄN VIỆT HÀ	28/2/1999	12V	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
21	V207	VŨ THÙY VÂN TRINH	6/11/1999	12V	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
22	V248	TRẦN THẢO HIỀN	14/5/1999	12A0	Thanh Oai A	16.50	Nhì
23	V290	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	2/8/2000	11V	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
24	V318	HOÀNG PHI YẾN	9/8/1999	12V	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
25	V338	KHUẤT THỊ THÙY LINH	5/25/1999	12V	Sơn Tây	16.50	Nhì
26	V004	NGUYỄN ĐĂNG HẢI ANH	06/07/2000	11V	Chu Văn An	16.00	Nhì
27	V006	ĐÀO HOÀNG ANH	28/09/1999	12 D1	Chu Văn An	16.00	Nhì
28	V012	TRẦN THỊ MAI ANH	17/06/1999	12D2	Lê Quý Đôn - ĐĐa	16.00	Nhì
29	V025	HOÀNG NGỌC BÍCH	19/8/2000	11V	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
30	V063	ĐỖ THU HẠNH	15/10/1999	12A14	Kim Liên	16.00	Nhì
31	V080	NGUYỄN LAN HỒNG	15/02/1999	12D1	Phan Huy Chú - ĐĐa	16.00	Nhì
32	V117	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	22/03/1999	12V	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
33	V123	THẠCH THỦY LINH	17/9/1999	12A8	Lý Thường Kiệt	16.00	Nhì
34	V141	KIM UYÊN MY	8/11/2000	11A4	Việt Đức	16.00	Nhì
35	V144	KHÚC THỊ KIM NGÂN	2/12/1999	12D3	Phạm Hồng Thái	16.00	Nhì
36	V198	NGUYỄN MAI TRANG	13/10/2000	11V	Chu Văn An	16.00	Nhì
37	V253	NGUYỄN THỊ HOAN	12/06/1999	12A4	Hoài Đức A	16.00	Nhì
38	V256	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	8/23/1999	12A6	Thường Tín	16.00	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
39	V266	NGÔ THỊ LƯU	11/11/1999	12A13	Minh Khai	16.00	Nhì
40	V294	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	1/13/1999	12A4	Phú Xuyên B	16.00	Nhì
41	V296	NGUYỄN THU THẢO	7/7/1999	12V	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
42	V328	KIỀU THỊ HẢO	7/22/1999	12A2	Phúc Thọ	16.00	Nhì
43	V335	PHÙNG THỊ THU HUYỀN	3/16/1999	12V	Sơn Tây	16.00	Nhì
44	V355	NGUYỄN THỊ THÊM	9/11/1999	12A5	Phùng Khắc Khoan	16.00	Nhì
45	V031	ĐỖ NINH CHI	18/08/1999	12D	Nguyễn Gia Thiều	15.50	Nhì
46	V061	PHẠM HỒNG HẠNH	14/9/1999	12D1	Tây Hồ	15.50	Nhì
47	V113	NGUYỄN KHÁNH LINH	05/08/1999	12V	Chu Văn An	15.50	Nhì
48	V167	ĐỖ THU PHƯƠNG	01/05/1999	12 D3	Chu Văn An	15.50	Nhì
49	V295	LÊ THỊ THẢO	4/23/1999	12A4	Ứng Hòa B	15.50	Nhì
50	V313	TRẦN TRỌNG TRUNG	2/13/1999	12A6	Thường Tín	15.50	Nhì
51	V046	CAO THỊ PHƯƠNG GIANG	25/11/1999	12A9	Nhân Chính	15.00	Nhì
52	V139	NGUYỄN TRÀ MY	15/08/1999	12 D3	Chu Văn An	15.00	Nhì
53	V005	PHAN HIỀN ANH	25/05/1999	12D4	Thăng Long	14.50	Ba
54	V007	BÙI HƯƠNG ANH	9/9/1999	12D0	Đào Duy Từ	14.50	Ba
55	V009	ĐOÀN DƯƠNG KIỀU ANH	12/03/1999	12D	Đa Phúc	14.50	Ba
56	V015	NGUYỄN NGỌC ÁNH	6/05/1999	12D1	Bắc Thăng Long	14.50	Ba
57	V019	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	1/7/2000	11A4	Việt Đức	14.50	Ba
58	V022	PHẠM HÀ THU ANH	27/10/1999	12V	HN- Amsterdam	14.50	Ba
59	V024	CAO THỊ VÂN ANH	15/08/1999	12A3	Kim Liên	14.50	Ba
60	V057	NGÔ THỊ THÚY HÀ	1/11/1999	12CA	Nguyễn Bình Khiêm-CC	14.50	Ba
61	V066	NGUYỄN MINH HIỀN	27/8/1999	12D0	Đào Duy Từ	14.50	Ba
62	V074	CAO NGỌC HIỆP	19/01/1999	12D1	Sóc Sơn	14.50	Ba
63	V120	CHỬ THUY LINH	30/06/1999	12A8	Cao Bá Quát - GL	14.50	Ba
64	V132	NGUYỄN HOÀNG MAI	6/6/1999	12V	HN- Amsterdam	14.50	Ba
65	V164	ĐÀO NGUYỄN PHƯƠNG	24/12/1999	12V	Chu Văn An	14.50	Ba
66	V169	LÊ PHƯƠNG QUỲNH	26/08/1999	12D2	Nguyễn Tất Thành	14.50	Ba
67	V175	LÊ PHƯƠNG THẢO	2/11/1998	12N1	Hồng Hà	14.50	Ba
68	V178	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	19/01/1999	12A6	Yên Viên	14.50	Ba
69	V179	LÊ THẠCH THẢO	29/7/1999	12V	HN- Amsterdam	14.50	Ba
70	V182	LÃ NGỌC THU	25/02/2000	11V	Chu Văn An	14.50	Ba
71	V204	NGUYỄN THUY TRANG	24/05/1999	12A8	Mê Linh	14.50	Ba
72	V212	TRẦN HẢI VÂN	23/07/1999	12D7	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.50	Ba
73	V214	KIỀU THU VÂN	12/11/1999	12D3	Yên Hòa	14.50	Ba
74	V215	NGO THỊ THU VÂN	8/02/1999	12D4	Thăng Long	14.50	Ba
75	V242	VŨ THU HÀ	16/11/1999	12A4	Lý Tử Tấn	14.50	Ba
76	V255	ĐẶNG THANH HƯƠNG	13/10/1999	12V	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
77	V286	NGUYỄN THU PHƯƠNG	5/26/1999	12A7	Lê Lợi	14.50	Ba
78	V291	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	7/13/1999	12A5	Trần Đăng Ninh	14.50	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
79	V302	NGUYỄN THỊ THỦY	9/4/1999	12A5	Trần Đăng Ninh	14.50	Ba
80	V315	NGUYỄN THỊ UYÊN	9/18/1999	12A13	Mỹ Đức A	14.50	Ba
81	V320	DOÃN THỊ NGỌC ANH	2/28/1999	12A2	Vân Cốc	14.50	Ba
82	V323	NGUYỄN THỊ AN GIANG	2/21/1999	12A2	Thạch Thất	14.50	Ba
83	V334	PHẠM KHÁNH HUYỀN	1/27/1999	12V	Sơn Tây	14.50	Ba
84	V344	PHƯƠNG THỊ PHƯỢNG	9/15/1999	12A2	Quảng Oai	14.50	Ba
85	V350	ỨNG THỊ LAN PHƯƠNG	14/10/1999	12A05	Hai Bà Trưng	14.50	Ba
86	V002	LÊ NGUYỄN AN	13/11/1999	12CA	Nguyễn Bình Khiêm-CQ	14.00	Ba
87	V017	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	2/01/1999	12A12	Kim Liên	14.00	Ba
88	V021	TRƯƠNG QUỲNH ANH	22/04/1999	12A5	Cổ Loa	14.00	Ba
89	V041	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	5/11/1999	12A8	Nhân Chính	14.00	Ba
90	V059	NGUYỄN BẢO HÂN	30/03/1999	12A9	Cổ Loa	14.00	Ba
91	V072	VƯƠNG VŨ THÚY HIỀN	10/07/1999	12D2	Nguyễn Tất Thành	14.00	Ba
92	V081	PHẠM VĂN HỒNG	9/11/1999	12A1	Lý Thường Kiệt	14.00	Ba
93	V088	ĐÀO QUANG HUY	7/05/1999	12A10	Trương Định	14.00	Ba
94	V100	LÊ HỒNG LIỄU	06/07/2000	11V	Chu Văn An	14.00	Ba
95	V115	NGUYỄN MAI LINH	12/09/1999	12D7	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.00	Ba
96	V116	PHƯƠNG NGỌC LINH	21/07/1999	12V	Chu Văn An	14.00	Ba
97	V118	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	15/02/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	14.00	Ba
98	V146	NGUYỄN BÍCH NGỌC	25/10/1999	12A1	Xuân Đình	14.00	Ba
99	V155	BÀNG BÍCH PHƯƠNG	12/10/1999	12A4	Đoàn Kết - HBT	14.00	Ba
100	V158	NGUYỄN ĐỨC GIANG PHƯƠNG	12/11/1999	12V	Chu Văn An	14.00	Ba
101	V159	PHÙNG THỊ HÀ PHƯƠNG	25/8/1999	12D5	Trần Phú - HK	14.00	Ba
102	V160	ĐỒNG KHÁNH PHƯƠNG	8/10/1999	12A2	Thạch Bàn	14.00	Ba
103	V161	TRẦN LINH PHƯƠNG	25/04/1999	12V	Chu Văn An	14.00	Ba
104	V166	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	6/05/1999	12D2	Sóc Sơn	14.00	Ba
105	V173	HOÀNG HƯƠNG THẢO	29/04/2000	11V	Chu Văn An	14.00	Ba
106	V191	NGUYỄN QUỲNH TRÂM	25/3/2000	11V	HN- Amsterdam	14.00	Ba
107	V196	TRẦN HUYỀN TRANG	27/07/1999	12A5	Nguyễn Thị M.Khai	14.00	Ba
108	V199	NGUYỄN NGỌC TRANG	14/1/1999	12N1	Việt Đức	14.00	Ba
109	V206	BÙI THỊ NGỌC TRINH	18/01/1999	12A3	Ngọc Hồi	14.00	Ba
110	V221	NGUYỄN THỊ LAN ANH	25/5/2000	11V	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
111	V225	DƯƠNG PHƯƠNG ANH	23/2/1999	12D1	Lê Quý Đôn - HĐ	14.00	Ba
112	V227	NGUYỄN THỊ THÙY ANH	11/12/1999	12A8	Lưu Hoàng	14.00	Ba
113	V230	LÊ THỊ LINH CHI	4/26/1999	12A1	Mỹ Đức B	14.00	Ba
114	V244	NGÔ THUỶ HẰNG	9/2/1999	12A6	Thanh Oai B	14.00	Ba
115	V251	LÊ THỊ PHƯƠNG HOA	2/12/1999	12A4	Phú Xuyên B	14.00	Ba
116	V258	ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN	4/3/1999	12A9	Minh Khai	14.00	Ba
117	V271	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	8/29/1999	12A11	Chương Mỹ A	14.00	Ba
118	V276	LÊ THỊ KIM NGỌC	16/2/1999	12V	Nguyễn Huệ	14.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
119	V281	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	28/1/1999	12V	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
120	V300	ĐỖ THANH THỦY	10/11/1999	12V	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
121	V317	ĐÀO THỊ XUÂN	1/11/1999	12A6	Thanh Oai B	14.00	Ba
122	V321	PHÙNG NGỌC BÌNH	27/3/1999	12A1	Lương Thế Vinh -BV	14.00	Ba
123	V322	PHAN THỊ NGỌC DIỆP	8/15/1999	12V	Sơn Tây	14.00	Ba
124	V326	CẦN NGỌC HÂN	6/11/1999	12V	Sơn Tây	14.00	Ba
125	V337	NGUYỄN THỦY LINH	12/2/1999	12A3	Phúc Thọ	14.00	Ba
126	VA04	LƯU HẢI TRIỀU	8/1/1999	12	Hoàng Văn Thụ	14.00	Ba
127	V228	HOÀNG THỊ VÂN ANH	3/1/1999	12A7	Nguyễn Du - Th.Oai	13.50	K.Khích
128	V102	NGUYỄN ĐIỀU LINH	10/12/1999	12A5	Trung Giã	13.00	K.Khích
129	V112	NGUYỄN KHÁNH LINH	3/9/1999	12A2	Trần Phú - HK	13.00	K.Khích
130	V184	NGUYỄN THỊ THỦY	16/05/1999	12D1	Ngọc Hồi	13.00	K.Khích
131	V190	NGUYỄN NGỌC TRÂM	08/10/2000	11V	Chu Văn An	13.00	K.Khích
132	V194	HOÀNG HẠNH TRANG	25/9/2000	11V	HN- Amsterdam	13.00	K.Khích
133	V200	DƯƠNG THỊ TRANG	11/08/1999	12A9	Trung Văn	13.00	K.Khích
134	V246	ĐỖ THỊ THÚY HẰNG	22/06/1999	12A5	Hoài Đức A	13.00	K.Khích
135	V260	NGUYỄN ĐIỀU LINH	3/21/1999	12A7	Hoài Đức B	13.00	K.Khích
136	V269	TRỊNH THỊ MAI	5/2/1999	12A9	Hoài Đức B	13.00	K.Khích
137	V270	ĐẶNG THỊ HÀ MY	9/30/1999	12D1	Nguyễn Trãi- TTín	13.00	K.Khích
138	V001	VŨ NGỌC AN	19/12/1999	12	HN- Amsterdam	12.50	K.Khích
139	V014	VŨ HẠNH NGÂN ANH	02/06/1999	12V	Chu Văn An	12.50	K.Khích
140	V035	NGUYỄN THỊ DỊU	27/02/1999	12A6	Yên Viên	12.50	K.Khích
141	V045	KIỀU HƯƠNG GIANG	26/11/1999	12V	Chu Văn An	12.50	K.Khích
142	V049	PHẠM NGÂN HÀ	11/11/1999	12A15	Kim Liên	12.50	K.Khích
143	V051	DƯƠNG THU HÀ	10/8/1999	12D1	Việt Đức	12.50	K.Khích
144	V067	VŨ MINH HIỀN	6/09/1999	12D	M.V. LÔMÔNÔXÔP	12.50	K.Khích
145	V068	BÙI THANH HIỀN	7/6/2000	11D02	Đào Duy Từ	12.50	K.Khích
146	V077	HOÀNG THỊ HÒA	7/05/1999	12A9	Yên Lãng	12.50	K.Khích
147	V085	ĐỖ THU HƯƠNG	4/11/1999	12D4	Thăng Long	12.50	K.Khích
148	V106	VŨ ĐIỀU LINH	10/1/1999	12V	HN- Amsterdam	12.50	K.Khích
149	V121	ĐỖ THỦY LINH	10/11/1999	12D1	Phạm Hồng Thái	12.50	K.Khích
150	V154	NGUYỄN THỊ KIM OANH	24/05/1999	12A1	Đông Anh	12.50	K.Khích
151	V165	ĐÀO NHƯ PHƯƠNG	14/08/1999	12A2	Dương Xá	12.50	K.Khích
152	V172	TRẦN THỊ THẨM	24/04/1999	12D	Trần Quốc Tuấn	12.50	K.Khích
153	V181	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	13/2/1999	12D01	Lương Thế Vinh	12.50	K.Khích
154	V183	ĐỖ PHƯƠNG THỦY	08/09/1999	12V	Chu Văn An	12.50	K.Khích
155	V186	NGUYỄN THỦY TIỀN	15/04/1999	12D4	Cầu Giấy	12.50	K.Khích
156	V187	NGUYỄN THỦY TIỀN	18/03/1999	12 D3	Chu Văn An	12.50	K.Khích
157	V189	VŨ THU TRÀ	3/03/1999	12D2	Lê Quý Đôn - Đ Đa	12.50	K.Khích
158	V193	NGUYỄN HÀ TRANG	26/8/1999	12A7	Thạch Bàn	12.50	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
159	V208	HOÀNG THANH UYÊN	20/03/1999	12D1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	12.50	K.Khích
160	V219	TRẦN HOÀI AN	5/22/1999	12A7	Xuân Mai	12.50	K.Khích
161	V236	TRẦN VĂN ĐẠO	11/27/1999	12A12	Mỹ Đức A	12.50	K.Khích
162	V250	ĐÀO THỊ THU HIỀN	7/23/1999	12A2	Vân Tảo	12.50	K.Khích
163	V252	ĐỖ THỊ HOA	7/31/1999	12A1	Vạn Xuân - HĐ	12.50	K.Khích
164	V273	NGUYỄN DIỆU QUỲNH NGA	20/1/2000	11V	Nguyễn Huệ	12.50	K.Khích
165	V287	NGUYỄN HOÀNG THU PHƯƠNG	9/14/1999	12A11	Chương Mỹ A	12.50	K.Khích
166	V298	NGUYỄN ANH THƯ	20/9/1999	12V	Nguyễn Huệ	12.50	K.Khích
167	V306	NGUYỄN HUYỀN TRÂM	10/6/1999	12A14	Quốc Oai	12.50	K.Khích
168	V307	ĐỖ KIỀU TRANG	12/28/1999	12D2	Quang Trung - HĐ	12.50	K.Khích
169	V310	NGUYỄN THỊ TRANG	11/16/1999	12A7	Ứng Hòa A	12.50	K.Khích
170	V316	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	6/22/1999	12A1	Đại Cường	12.50	K.Khích
171	V319	NGUYỄN THỊ YẾN	10/18/1999	12D8	Mỹ Đức C	12.50	K.Khích
172	V325	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	2/12/1999	12A1	Bất Bạt	12.50	K.Khích
173	V327	BÙI THỊ HẠNH	6/21/1999	12A2	Vân Cốc	12.50	K.Khích
174	V339	KHUẤT THỊ MAI	2/19/1999	12A1	PTDT Nội trú	12.50	K.Khích
175	V341	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	11/24/1999	12A6	Tân Lập	12.50	K.Khích
176	V342	KHUẤT THỊ THÚY NGÂN	2/8/1999	12A1	Ba Vì	12.50	K.Khích
177	V343	NGUYỄN THỊ NGỌC	2/11/1999	12A11	Tân Lập	12.50	K.Khích
178	V345	LÊ THỊ HƯƠNG NHÀI	9/29/1999	12A1	Đan Phượng	12.50	K.Khích
179	V346	TRẦN THẢO NHI	8/25/1999	12A4	Đan Phượng	12.50	K.Khích
180	V348	NGUYỄN THỊ OANH	10/7/1999	12a1	Bắc Lương Sơn	12.50	K.Khích
181	V354	LA XUÂN TÂM	4/20/1999	12A3	Hữu nghị 80	12.50	K.Khích
182	V358	ĐỖ MINH TÂM	9/25/1999	12A1	Quảng Oai	12.50	K.Khích
183	V359	NGUYỄN HÀ TRANG	11/7/1999	12V	Sơn Tây	12.50	K.Khích
184	V364	NGUYỄN PHAN KHÁNH VÂN	1/25/1999	12V	Sơn Tây	12.50	K.Khích
185	VA01	LƯU QUỲNH ANH	4/16/1999	12	Hoàng Văn Thụ	12.50	K.Khích
186	VA02	DIỆP TRÚC LINH	11/9/1999	12	Đông Đô	12.50	K.Khích

MÔN : LỊCH SỬ

	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	U002	NGUYỄN TRỌNG AN	12/10/1999	12 Sử	Chu Văn An	18.00	Nhất
2	U123	NGUYỄN NGỌC NGA	18/9/1999	12A6	Tây Hồ	18.00	Nhất
3	U131	NGUYỄN BÍCH NGỌC	21/9/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
4	U206	NGUYỄN QUANG ANH	9/1/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
5	U240	TRẦN MỸ LINH	26/8/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
6	U249	TRẦN NGỌC MINH	8/9/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	18.00	Nhất
7	U181	PHẠM HÀ TRANG	25/3/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	17.00	Nhất
8	U171	LÊ PHƯƠNG THẢO	20/03/1999	12A1	Yên Viên	16.75	Nhất
9	SU03	NGUYỄN THU HOÀI	4/9/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	16.50	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
10	U029	PHẠM THỊ VÂN ANH	10/10/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
11	U041	PHÙNG MỸ DUYÊN	17/9/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
12	U065	NGUYỄN MINH HẠNH	31/07/1999	12 Sử	Chu Văn An	16.50	Nhì
13	U115	NGUYỄN HỒNG MINH	11/11/1999	12 D1	Chu Văn An	16.50	Nhì
14	U117	NGUYỄN QUANG MINH	16/4/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
15	U157	LÊ MINH QUANG	2/9/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
16	U241	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	16/11/1999	12D2	Lê Quý Đôn - HĐ	16.50	Nhì
17	U011	TRẦN LÊ HOÀNG ANH	13/09/1999	12D1	Phan Đình Phùng	16.25	Nhì
18	U018	NGUYỄN MAI ANH	15/07/2000	11 Sử	Chu Văn An	16.25	Nhì
19	U024	PHÙNG THỊ NGỌC ANH	7/05/1999	12A2	Dương Xá	16.25	Nhì
20	U096	ĐẶNG ĐÌNH KHÔI	9/4/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
21	U153	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	29/05/2000	11 Sử	Chu Văn An	16.25	Nhì
22	SU01	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	3/30/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	16.00	Nhì
23	U001	NGUYỄN THỊ AN	13/02/1999	12A5	Yên Viên	16.00	Nhì
24	U027	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG ANH	29/11/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
25	U033	NGUYỄN TRẦN MINH CHÂU	27/10/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
26	U035	NGUYỄN ĐỨC CƠ	13/12/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
27	U038	NGUYỄN THUY DUNG	27/11/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
28	U039	ĐỖ VIỆT DŨNG	31/12/1999	12A12	Cao Bá Quát - GL	16.00	Nhì
29	U043	NGUYỄN THỊ Ô ĐAN	15/07/1999	12A1	Sóc Sơn	16.00	Nhì
30	U052	LÊ HƯƠNG GIANG	08/10/2000	11 Sử	Chu Văn An	16.00	Nhì
31	U054	PHẠM NGỌC GIANG	18/02/1999	12D2	Nguyễn Tất Thành	16.00	Nhì
32	U061	VŨ ĐÔNG HẢI	23/12/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
33	U075	NGUYỄN HOÀNG	27/1/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
34	U077	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	5/7/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
35	U081	NGUYỄN VĂN HÙNG	4/01/1999	12A1	Đông Anh	16.00	Nhì
36	U083	CAO NGUYỄN MAI HƯƠNG	6/10/1999	12	Bắc Hà - Đ Đa	16.00	Nhì
37	U085	LƯU THU HƯƠNG	22/11/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
38	U094	PHẠM GIA KIỆM	7/11/1999	12A9	Kim Liên	16.00	Nhì
39	U097	TRẦN TRUNG KIÊN	4/6/1999	12A4	Việt Đức	16.00	Nhì
40	U130	CHU LÊ ÁNH NGỌC	04/02/1999	12 Sử	Chu Văn An	16.00	Nhì
41	U134	HOÀNG THẢO NGUYỄN	25/05/2000	11 Sử	Chu Văn An	16.00	Nhì
42	U139	NGUYỄN UYÊN NHI	9/10/1999	12A1	Nguyễn Văn Cừ	16.00	Nhì
43	U145	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	5/09/1999	12D4	Thăng Long	16.00	Nhì
44	U167	NGUYỄN NGỌC THANH	10/09/1999	12A4	Phan Đình Phùng	16.00	Nhì
45	U192	LÊ ANH TÙNG	10/1/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
46	U196	LƯƠNG KHÁNH VI	14/3/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
47	U200	NGUYỄN NHƯ Ý	15/12/1999	12D4	Lê Quý Đôn - Đ Đa	16.00	Nhì
48	U204	TRẦN NGỌC ÁNH	27/2/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
49	U213	BÙI THUY DUNG	29/6/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
50	U237	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	9/24/1999	12A14	Quốc Oai	16.00	Nhì
51	U244	NGUYỄN NGỌC MAI	18/7/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
52	U252	NGUYỄN THỊ NGỌC	7/4/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
53	U256	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	11/1/1999	12A9	Minh Khai	16.00	Nhì
54	U264	NGUYỄN BẰNG ÂN QUANG	17/5/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
55	U272	HÀ THỊ TÂM	2/15/1999	12A9	Minh Khai	16.00	Nhì
56	U305	HOÀNG THỊ ANH	11/26/1999	12A14	Ngô Quyền	16.00	Nhì
57	U317	TRẦN THU HƯƠNG	5/6/2000	11 Sử	Sơn Tây	16.00	Nhì
58	U339	TRẦN BẢO SƠN	1/4/1999	12 Anh	Sơn Tây	16.00	Nhì
59	U017	NGUYỄN THỊ LAN ANH	2/03/1999	12D4	Yên Hòa	15.75	Ba
60	U352	VŨ NGỌC YẾN	9/27/1999	12 Sử	Sơn Tây	15.75	Ba
61	U049	ĐỖ MINH ĐỨC	23/11/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	15.50	Ba
62	U067	NGUYỄN CHUNG HẬU	22/11/1999	12A4	Ngọc Hồi	15.50	Ba
63	U070	VŨ THU HIỀN	2/3/1999	12	Bắc Hà - Đ Đa	15.50	Ba
64	U101	NGUYỄN MỸ LINH	07/08/1999	12 Sử	Chu Văn An	15.50	Ba
65	U112	PHI YẾN NGUYỄN MANIANG	5/9/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	15.50	Ba
66	U118	VŨ QUANG MINH	19/07/2000	11 Sử	Chu Văn An	15.50	Ba
67	U132	NGUYỄN HOA LAN NGỌC	24/2/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	15.50	Ba
68	U219	NGUYỄN THU HẰNG	16/6/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	15.50	Ba
69	U259	MAI LAN PHƯƠNG	11/11/1999	12D3	Quang Trung - HĐ	15.50	Ba
70	U327	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	5/17/1999	12A8	Đan Phượng	15.50	Ba
71	U328	ĐỖ THỊ HỒNG NGOAN	2/25/1999	12A3	Phúc Thọ	15.50	Ba
72	U187	LÊ THU TRANG	12/12/1999	12A11	LiênHà	15.25	Ba
73	U319	HÀ THỊ DIỆU LINH	1/18/2000	11 Sử	Sơn Tây	15.25	Ba
74	U015	MAI LAN ANH	11/11/1999	12A	Đa Phúc	15.00	Ba
75	U046	ĐINH THỊ HỒNG ĐIẾP	14/04/1999	12A2	Phan Đình Phùng	15.00	Ba
76	U071	NGUYỄN THỊ LÊ HIẾU	14/06/1999	12 Sử	Chu Văn An	15.00	Ba
77	U073	LÊ QUANG MINH HIẾU	23/07/1999	12A	Vân Nội	15.00	Ba
78	U116	NGUYỄN HIỆP LÊ MINH	01/08/1999	12 Sử	Chu Văn An	15.00	Ba
79	U122	NGUYỄN TRÀ MY	16/08/1999	12A6	Ngô Thi Nhậm	15.00	Ba
80	U150	LÊ HIẾU PHONG	5/8/1999	12A6	Trần Nhân Tông	15.00	Ba
81	U172	PHÙNG HÀ PHƯƠNG THẢO	7/09/1999	12D1	Ngọc Hồi	15.00	Ba
82	U180	LÊ HÀ TRANG	15/07/1999	12A1	Sóc Sơn	15.00	Ba
83	U188	LÊ THỦY TRANG	30/07/2000	11 Sử	Chu Văn An	15.00	Ba
84	U207	NGUYỄN QUỲNH ANH	28/12/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
85	U215	NGUYỄN THỊ THU HÀ	7/24/1999	12A6	Ứng Hòa A	15.00	Ba
86	U236	ĐÀO BẢO KHÁNH	1/6/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
87	U261	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	1/12/1999	12A10	Quốc Oai	15.00	Ba
88	U270	ĐỖ NGỌC SƠN	2/10/1999	12A1	Thanh Oai B	15.00	Ba
89	U290	HOÀNG THỊ THU TRANG	18/11/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
90	U302	KHUẤT PHƯƠNG ANH	5/31/2000	11 Sử	Sơn Tây	15.00	Ba
91	U304	LƯƠNG THẾ ANH	11/1/1999	12A01	Hai Bà Trưng	15.00	Ba
92	U324	BÙI XUÂN ÁNH LỰA	12/1/1999	12A4	Đan Phượng	15.00	Ba
93	U333	PHÍ THẢO NHUNG	3/25/1999	12A2	Thạch Thất	15.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
94	U340	NGUYỄN THỊ THANH	7/15/1999	12 Sử	Sơn Tây	15.00	Ba
95	U343	ĐINH THỊ THUẬN	24/11/1999	12A11	Ba Vì	15.00	Ba
96	U148	NGUYỄN TỬ OANH	26/03/1999	12D1	Nguyễn Tất Thành	14.75	Ba
97	U250	NGÔ THỊ NHẬT MINH	12/06/1999	12A9	Hoài Đức A	14.75	Ba
98	U307	LÊ THỊ VÂN ANH	1/13/2000	11 Sử	Sơn Tây	14.75	Ba
99	U310	NGUYỄN THỊ CHÍNH	9/2/2000	11 Sử	Sơn Tây	14.75	Ba
100	U320	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	11/13/1999	12A10	Thạch Thất	14.75	Ba
101	U045	TRẦN TIẾN ĐẠT	08/07/1999	12 Sử	Chu Văn An	14.50	Ba
102	U050	PHẠM MINH ĐỨC	16/01/1999	12D7	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.50	Ba
103	U051	VŨ MINH ĐỨC	1/29/1999	12A1	Trần Nhân Tông	14.50	Ba
104	U058	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	7/09/1999	12D3	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.50	Ba
105	U060	PHẠM THỊ THU HÀ	01/12/2000	11 Sử	Chu Văn An	14.50	Ba
106	U064	NGUYỄN MINH HẠNH	21/07/2000	11 Sử	Chu Văn An	14.50	Ba
107	U124	BÙI THẢO NGÂN	2/20/1999	12A5	Trần Nhân Tông	14.50	Ba
108	U197	VÕ QUANG VINH	9/2/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	14.50	Ba
109	U211	CHU TRUNG CHÍNH	7/2/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
110	U228	NGUYỄN DƯƠNG THU HƯƠNG	26/9/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
111	U230	TỪ XUÂN HUY	1/9/1999	12 Sử	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
112	U254	ĐỖ THANH NHÀN	27/8/1999	12A5	Lý Tử Tấn	14.50	Ba
113	U271	ĐÀM XUÂN SƠN	26/2/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
114	U274	NGUYỄN HUYỀN THANH	6/16/1999	12D1	Nguyễn Trãi- TTín	14.50	Ba
115	U291	TRẦN THỊ THU TRANG	12/3/2000	11A2	Mỹ Đức B	14.50	Ba
116	U303	BÙI THỊ QUỲNH ANH	1/24/1999	12a1	Bắc Lương Sơn	14.50	Ba
117	U309	TRẦN DIỄM CẨM	8/23/2000	11 Sử	Sơn Tây	14.50	Ba
118	U346	KHUẤT THỊ HÀ TRANG	9/16/1999	12A1	Phúc Thọ	14.50	Ba
119	U351	NGUYỄN HẢI YÊN	21/9/1999	12A11	Ba Vì	14.50	Ba
120	U012	HOÀNG KIỀU ANH	21/05/2000	11 Sử	Chu Văn An	14.25	K.Khích
121	U078	NGUYỄN TRẦN GIA HỢP	15/10/1999	12D1	Yên Hòa	14.25	K.Khích
122	U232	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	2/2/1999	12A5	Đồng Quan	14.25	K.Khích
123	U007	NGÔ HÀ HẢI ANH	1/08/1999	12A9	Nhân Chính	14.00	K.Khích
124	U026	TRỊNH PHƯƠNG ANH	8/08/1999	12B2	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.00	K.Khích
125	U028	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	26/1/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	14.00	K.Khích
126	U042	NGUYỄN ĐỨC ĐÀM	11/03/1999	12a3	Tiến Thịnh	14.00	K.Khích
127	U044	ĐỖ THÀNH ĐẠT	12/8/1999	12A7	Xuân Đình	14.00	K.Khích
128	U068	NGUYỄN ĐÌNH HIỀN	09/10/1999	12 Sử	Chu Văn An	14.00	K.Khích
129	U088	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	13/01/1999	12A2	Nguyễn Gia Thiều	14.00	K.Khích
130	U093	LÊ TỬ QUỐC KHÁNH	2/9/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	14.00	K.Khích
131	U102	ĐINH THỊ NGỌC LINH	14/02/1999	12A4	Kim Liên	14.00	K.Khích
132	U107	TRẦN VŨ YẾN LINH	0 9/10/1999	12D4	Phạm Hồng Thái	14.00	K.Khích
133	U135	TRẦN PHƯƠNG NHẬT	12/09/1999	12D3	Phan Đình Phùng	14.00	K.Khích
134	U136	TRẦN SƠN NHẬT	20/02/1999	12A4	Sóc Sơn	14.00	K.Khích
135	U155	LƯƠNG ANH QUÂN	9/9/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	14.00	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
136	U176	PHAN THỊ THANH THỦY	27/12/1999	12B	Vân Nội	14.00	K.Khích
137	U224	VŨ THỊ THÚY HOÀN	6/18/1999	12A4	Tân Dân	14.00	K.Khích
138	U225	ĐỖ VIỆT HOÀNG	2/6/1999	12A3	Thường Tín	14.00	K.Khích
139	U235	TRẦN QUANG KHẢI	5/10/1999	12A1	Chương Mỹ B	14.00	K.Khích
140	U238	VŨ THỊ LIÊN	6/5/1999	12A7	Lê Quý Đôn - HĐ	14.00	K.Khích
141	U253	NGUYỄN THỊ NGỌC	8/22/1999	12A4	Phú Xuyên B	14.00	K.Khích
142	U301	NGUYỄN THỊ LAN ANH	2/6/1999	12A10	Phùng Khắc Khoan	14.00	K.Khích
143	U318	ĐẶNG MINH HOÀ	11/19/1999	12A3	Quảng Oai	14.00	K.Khích
144	U330	PHẠM THỊ NGỌC	7/3/1999	12A1	Tùng Thiện	14.00	K.Khích
145	U331	BÙI THỊ ÁNH NGUYỆT	12/24/1999	12A2	PTDT Nội trú	14.00	K.Khích
146	U341	BÀN THỊ THẢO	11/10/1999	12A6	Hữu nghị 80	14.00	K.Khích
147	U342	TRẦN THỊ THẢO	10/5/1999	12A1	Bất Bạt	14.00	K.Khích
148	U350	PHAN HÀ ANH VŨ	11/14/1999	12 Sử	Sơn Tây	14.00	K.Khích
149	U021	TẠ MINH ANH	23/08/1999	12 Sử	Chu Văn An	13.75	K.Khích
150	U022	NGUYỄN NGỌC ANH	7/27/1999	12A7	Trần Nhân Tông	13.75	K.Khích
151	U076	TRẦN ĐỨC HOÀNG	5/8/1999	12 Sử	HN- Amsterdam	13.75	K.Khích
152	U168	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	13/02/1999	12D4	Thăng Long	13.75	K.Khích
153	U311	KHUẤT THỊ THÙY DƯƠNG	2/22/2000	11 Sử	Sơn Tây	13.75	K.Khích
154	U010	LÊ HOÀNG ANH	13/02/1999	12D3	Thăng Long	13.50	K.Khích
155	U098	LƯU TUẤN KỶ	2/12/1999	12A8	Nhân Chính	13.50	K.Khích
156	U099	CHU HOÀNG LAN	5/11/1999	12A4	Cổ Loa	13.50	K.Khích
157	U120	NGUYỄN VĂN MINH	17/02/1999	12A1	Phạm Hồng Thái	13.50	K.Khích
158	U147	BÙI MINH OANH	21/04/1999	12A3	Hoàng Cầu	13.50	K.Khích
159	U173	NGUYỄN HÀ THU	4/11/1999	12A11	Kim Liên	13.50	K.Khích
160	U190	NGUYỄN XUÂN KHOA TÚ	29/8/2000	11 Sử	HN- Amsterdam	13.50	K.Khích
161	U198	NGUYỄN MINH VƯƠNG	20/12/1999	12A6	Xuân Đình	13.50	K.Khích
162	U199	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	18/07/1999	12A	Xuân Giang	13.50	K.Khích
163	U209	PHẠM VĂN CẢNH	7/21/1999	12A15	Chương Mỹ A	13.50	K.Khích
164	U216	TRẦN DIỆP HẰNG	3/24/1999	12A5	Đồng Quan	13.50	K.Khích
165	U218	PHẠM THỊ HẰNG	7/7/1999	12A12	Mỹ Đức A	13.50	K.Khích
166	U220	TRẦN THỊ HIỀN	1/31/1999	12A12	Mỹ Đức A	13.50	K.Khích
167	U221	NGUYỄN THỊ HIỀN	7/23/1999	12A4	Tân Dân	13.50	K.Khích
168	U300	NGUYỄN BÙI ANH VŨ	9/9/2000	11 Sử	Nguyễn Huệ	13.50	K.Khích
169	U308	ĐỖ THỊ BÌNH	6/28/1999	12A4	Hồng Thái	13.50	K.Khích
170	U019	HỒ MINH ANH	5/01/1999	12A3	Hoàng Cầu	13.25	K.Khích
171	U087	PHAN LÊ HUY	09/09/2000	11 Sử	Chu Văn An	13.25	K.Khích
172	U166	PHÙNG CÔNG THÀNH	2/08/2000	11A4	Hoàng Cầu	13.25	K.Khích
173	U189	LÃ HỮU TRUNG	26/01/2000	11 Sử	Chu Văn An	13.25	K.Khích
174	U246	NGÔ THỊ MAI	7/20/1999	12D1	Vạn Xuân - HĐ	13.25	K.Khích
175	U247	ĐÀO CÔNG MẠNH	4/8/1999	12A11	Chương Mỹ B	13.25	K.Khích
176	U349	KHUẤT CẨM TÚ	8/29/1999	12 A5	Sơn Tây	13.25	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
MON : ĐỊA							
stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	D054	PHẠM PHƯƠNG HÀ	24/10/1999	12D	HN- Amsterdam	18.75	Nhất
2	D171	LÊ THỦY TIÊN	26/5/2000	11D	HN- Amsterdam	18.75	Nhất
3	D025	PHẠM NGỌC MINH CHÂU	19/01/2000	11D	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
4	D118	TRỊNH TRÀ MY	18/01/1999	12D	Chu Văn An	18.25	Nhất
5	D133	NGUYỄN BÍCH NGỌC	5/1/1999	12D	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
6	D201	NGUYỄN KHÁNH VI	14/7/2000	11D	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
7	D018	ĐÀM TRẦN QUỲNH ANH	31/12/1999	12D	Chu Văn An	18.00	Nhất
8	D135	TRƯƠNG BÍCH NGỌC	30/03/1999	12D	Chu Văn An	18.00	Nhất
9	D149	NGUYỄN LÊ HƯƠNG THẢO	16/08/1999	12D	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
10	D191	NGUYỄN YẾN TRANG	31/5/2000	11D	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
11	D326	DƯƠNG THỊ HỒNG LY	8/19/1999	12D	Sơn Tây	17.75	Nhì
12	D024	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	15/7/1999	12D	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
13	D060	LÊ NGỌC HÂN	19/1/2000	11D	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
14	D095	NGUYỄN THỊ THỰC LINH	24/02/1999	12D	Chu Văn An	17.50	Nhì
15	D185	NGUYỄN QUỲNH TRANG	2/12/2000	11D	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
16	D229	CAO THU HÀ	28/11/1999	12D	Nguyễn Huệ	17.50	Nhì
17	D261	NGUYỄN THỦY LINH	17/11/2000	11D	Nguyễn Huệ	17.50	Nhì
18	D046	BÙI CÔNG DUY	25/2/2000	11D	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
19	D142	NGUYỄN THỊ THUÝ NGỌC	3/31/2000	11D1	Nguyễn Tất Thành	17.25	Nhì
20	D022	ĐỖ THÂN VI ANH	2/6/1999	12D	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
21	D113	NGUYỄN HÀ MY	8/7/2000	11D	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
22	D143	VŨ THẢO NGUYỄN	30/8/1999	12D	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
23	D151	MAI QUỲNH NHI	23/8/2000	11D	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
24	D176	HOÀNG NGỌC TRÂM	16/8/2000	11D	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
25	D225	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	2/6/1999	12D	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì
26	D283	NGUYỄN THU THẢO	4/1/2000	11D	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì
27	D047	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	29/06/1999	12D	Chu Văn An	16.75	Nhì
28	D157	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG ANH	20/3	11D	HN- Amsterdam	16.75	Nhì
29	D078	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	11/2/1999	12A9	Nhân Chính	16.50	Nhì
30	D082	NGUYỄN CÔNG KIÊN	10/1/2000	11D	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
31	D107	TRỊNH PHƯƠNG LY	6/16/1999	12N1	Hồng Hà	16.50	Nhì
32	D125	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	20/9/1999	12D	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
33	D128	NGUYỄN KIM NGÂN	8/1/2000	11D	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
34	D177	PHẠM ĐOÀN HÀ TRANG	7/23/1999	12A13	Trần Nhân Tông	16.50	Nhì
35	D179	DƯƠNG HIỀN TRANG	21/05/1999	12D	Chu Văn An	16.50	Nhì
36	D227	NGUYỄN THỊ GIANG	1/7/1999	12D	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì
37	D246	TRẦN LAN HƯƠNG	4/3/2000	11D	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
38	D347	NGUYỄN THỊ VÂN	1/7/1999	12A14	Thạch Thất	16.50	Nhì
39	D036	TRẦN NGỌC DIỆP	01/04/2000	11D	Chu Văn An	16.25	Nhì
40	D044	NGUYỄN QUỲNH DƯƠNG	14/7/2000	11D	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
41	D045	PHẠM LÊ THÙY DƯƠNG	04/11/1999	12D	Chu Văn An	16.25	Nhì
42	D080	NGUYỄN THU HUYỀN	6/7/1999	12A2	Lý Thường Kiệt	16.25	Nhì
43	D100	BÙI HÀ THÙY LINH	01/02/2000	11D	Chu Văn An	16.25	Nhì
44	D108	VŨ PHƯƠNG LY	18/10/1999	12D	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
45	D165	TRẦN MAI PHƯƠNG	01/01/2000	11D	Chu Văn An	16.25	Nhì
46	D184	HOÀNG QUỲNH TRANG	10/24/1999	11A7	Trần Nhân Tông	16.25	Nhì
47	D264	QUÁCH TUẤN LONG	24/8/2000	11D	Nguyễn Huệ	16.25	Nhì
48	D076	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	15/3/1999	12A8	Lý Thường Kiệt	16.00	Nhì
49	D146	VƯƠNG CHÍ THÀNH	4/6/1999	12A4	Sóc Sơn	16.00	Nhì
50	D156	VƯƠNG THANH THẢO	11/6/1999	12D1	Việt Đức	16.00	Nhì
51	D166	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	7/3/1999	12A13	Trần Nhân Tông	16.00	Nhì
52	D170	NGUYỄN THU THỦY	6/1/1999	12A5	Việt Đức	16.00	Nhì
53	D210	PHẠM PHƯƠNG ANH	3/12/1999	12D	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
54	D249	LƯU TIẾN HUY	10/23/1999	12A7	Lê Lợi	16.00	Nhì
55	D295	TRỊNH THU TRANG	10/10/2000	11D	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
56	D330	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	1/22/1999	12A1	Tân Lập	16.00	Nhì
57	D202	NGUYỄN THẾ VŨ	12/1/1999	12D	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
58	D029	TẠ PHƯƠNG CHI	8/22/1999	12A1	Kim Liên	15.75	Ba
59	D089	NGUYỄN KHÁNH LINH	10/4/2000	11D	HN- Amsterdam	15.75	Ba
60	D091	LÊ NHỮ KHÁNH LINH	14/10/2000	11D	HN- Amsterdam	15.75	Ba
61	D188	NGUYỄN THU TRANG	24/4/2000	11D	HN- Amsterdam	15.75	Ba
62	D232	ĐOÀN THỊ HẰNG	10/2/2000	11D	Nguyễn Huệ	15.75	Ba
63	D233	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	5/5/2000	11D	Nguyễn Huệ	15.75	Ba
64	D023	ĐẶNG QUANG BÌNH	04/02/2000	11D	Chu Văn An	15.50	Ba
65	D092	NGUYỄN LINH LINH	10/22/1999	12A9	Nhân Chính	15.50	Ba
66	D311	PHAN THỊ THU HÀ	11/8/1999	12D	Sơn Tây	15.50	Ba
67	D313	ĐẶNG THỊ HẠNH	8/19/1999	12A2	Vân Cốc	15.50	Ba
68	D337	ĐOÀN THỊ THU	9/12/1999	12A8	Phúc Thọ	15.50	Ba
69	D340	NGUYỄN QUỲNH TRANG	12/12/1999	12D	Sơn Tây	15.50	Ba
70	D343	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	4/2/1999	12A4	Đan Phượng	15.50	Ba
71	D335	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	9/18/1999	12A4	Tân Lập	15.25	Ba
72	D123	HOÀNG NAM	30/05/1999	12A1	Trần Nhân Tông	15.00	Ba
73	D183	CHU PHƯƠNG TRANG	29/11/1999	12D	Chu Văn An	15.00	Ba
74	D187	LÊ THU TRANG	11/9/1999	12T4	Thăng Long	15.00	Ba
75	D213	NGUYỄN THỊ CHÀ	26/3/1999	12A5	Thanh Oai A	15.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
76	D260	BẠCH THỊ THẢO LINH	9/7/1999	12D	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
77	D298	NGUYỄN VĂN TUẤN	5/12/1999	12A1	Chương Mỹ B	15.00	Ba
78	D319	PHẠM THỊ HOA	2/17/1999	12D	Sơn Tây	15.00	Ba
79	D027	TRẦN KIM CHI	14/11/1999	12A7	Lý Thường Kiệt	14.75	Ba
80	D051	ĐÀU THỊ HƯƠNG GIANG	10/13/1999	12A1	Trung Giã	14.75	Ba
81	D067	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	08/02/1999	12D	Chu Văn An	14.75	Ba
82	D087	VƯƠNG GIA LINH	9/11/1999	11A2	Trần Nhân Tông	14.75	Ba
83	D174	NGUYỄN THỊ HỒNG TỎI	4/12/2000	11A1	Sóc Sơn	14.75	Ba
84	D216	TRỊNH HOÀNG DŨNG	20/6/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.75	Ba
85	D310	PHÙNG THỊ HÀ	13/10/1999	12A05	Hai Bà Trưng	14.75	Ba
86	D014	ĐẶNG NGỌC QUANG ANH	20/02/2000	11D	Chu Văn An	14.50	Ba
87	D073	NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG	10/3/1999	12D2	Việt Ba	14.50	Ba
88	D103	NGUYỄN VŨ LINH	25/08/2000	11D	Chu Văn An	14.50	Ba
89	D237	NGUYỄN THỊ HIỀN	2/5/2000	11D	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
90	D258	NGUYỄN BẢO LINH	4/12/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
91	D266	NGUYỄN THỊ MAI	29/11/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
92	D016	NGUYỄN QUỲNH ANH	15/12/2000	11D	Chu Văn An	14.25	Ba
93	D008	PHÙNG THỊ MINH ANH	5/7/1999	12A2	Dương Xá	14.25	Ba
94	D090	PHẠM KHÁNH LINH	15/1/2000	11D	HN- Amsterdam	14.25	Ba
95	D148	LÊ ÁNH NGUYỆT	9/27/1999	12A	Vân Nội	14.25	Ba
96	D243	NGUYỄN THÚY HỒNG	28/10/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.25	Ba
97	D259	NGUYỄN DIỆU LINH	31/7/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.25	Ba
98	D289	NGUYỄN THỊ THUYẾT	8/31/1999	12A8	Quốc Oai	14.25	Ba
99	D294	NGUYỄN THU TRANG	5/6/1999	12A7	Phú Xuyên A	14.25	Ba
100	D327	ĐỖ THỊ HƯƠNG LY	1/27/2000	11 A1	Sơn Tây	14.25	Ba
101	D094	ĐỖ NGỌC LINH	21/2/2000	11D	HN- Amsterdam	14.00	Ba
102	D097	ĐÀO THÙY LINH	22/02/2000	11D	Chu Văn An	14.00	Ba
103	D105	NGUYỄN ĐỨC LONG	13/9/2000	11A3	Việt Đức	14.00	Ba
104	D116	NGUYỄN HUYỀN MY	10/1/1999	12A9	Nhân Chính	14.00	Ba
105	D231	NGUYỄN THỊ THU HÀ	12/29/1999	12A9	Mỹ Đức B	14.00	Ba
106	D284	LÊ MINH THUẬN	17/3/1999	12D	Nguyễn Huệ	14.00	Ba
107	D306	HÀ THỊ TÚ ANH	12/8/1999	12D	Sơn Tây	14.00	Ba
108	D308	LÒ THỊ GIANG	3/1/1999	12A5	Hữu nghị 80	14.00	Ba
109	D323	PHÙNG THỊ LỆ	8/24/1999	12D	Sơn Tây	14.00	Ba
110	D328	ĐINH TRÀ MY	8/23/1999	12A1	PTDT Nội trú	14.00	Ba
111	D336	LÊ THỊ THẢO	2/7/2000	11D	Sơn Tây	14.00	Ba
112	DL02	PHẠM THÀNH ĐẠT	11/16/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	14.00	Ba
113	D085	NGUYỄN DIỆU LINH	20/12/1999	12D	HN- Amsterdam	14.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
114	D030	TRẦN PHƯƠNG CHI	8/9/2000	11D	HN- Amsterdam	13.75	K.Khích
115	D031	NGUYỄN QUỲNH CHI	30/07/1999	12D	Chu Văn An	13.75	K.Khích
116	D131	ĐẶNG THỊ BẢO QUYÊN	26/11/1999	12D	Chu Văn An	13.75	K.Khích
117	D138	NGUYỄN DUY NGỌC	09/02/1999	12D2	Nguyễn Tất Thành	13.75	K.Khích
118	D195	LÊ ANH TÚ	6/12/1999	12A4	Sóc Sơn	13.75	K.Khích
119	D205	NGUYỄN THỊ UYÊN	28/11/1999	12A4	LiênHà	13.75	K.Khích
120	D240	TRẦN THỊ THU HIỀN	11/11/1999	12A8	Mỹ Đức B	13.75	K.Khích
121	D312	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	5/22/1999	12A10	Phúc Thọ	13.75	K.Khích
122	D322	NGUYỄN THỊ LAN	1/18/1999	12A14	Ngọc Tảo	13.75	K.Khích
123	D028	NGUYỄN LINH CHI	26/09/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	13.50	K.Khích
124	D042	PHẠM THỊ THÙY DUNG	8/12/1999	12A1	Mê Linh	13.50	K.Khích
125	D070	VŨ ÁNH HỒNG	11/17/1999	12A1	Đông Anh	13.50	K.Khích
126	D098	NGÔ THÙY LINH	1/6/1999	12B	Vân Nội	13.50	K.Khích
127	D121	ĐÀO THỊ TRÀ MY	8/4/1999	12C	Kim Anh	13.50	K.Khích
128	D250	LÊ THỊ HUYỀN	30/3/2000	11D	Nguyễn Huệ	13.50	K.Khích
129	D262	VŨ THU LOAN	22/10/2000	11D	Nguyễn Huệ	13.50	K.Khích
130	D329	HOÀNG THỊ NGÀ	10/29/1999	12A2	Hữu nghị T78	13.50	K.Khích
131	D021	NGUYỄN TUẤN ANH	26/7/1999	12A6	Phạm Hồng Thái	13.25	K.Khích
132	D348	PHÙNG THỊ NGỌC	2/13/1999	12A6	Quảng Oai	13.25	K.Khích
133	D001	TẠ NGỌC ÁI	27/02/1999	12A5	Nguyễn Gia Thiều	13.00	K.Khích
134	D056	TRẦN THỊ THU TRÀ	5/13/1999	12A8	Cao Bá Quát - GL	13.00	K.Khích
135	D077	NGUYỄN MỸ HUYỀN	08/11/2000	11D	Chu Văn An	13.00	K.Khích
136	D139	VŨ HỒNG THÁI	11/01/2000	11D	Chu Văn An	13.00	K.Khích
137	D152	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	10/28/2000	11D9	Phan Đình Phùng	13.00	K.Khích
138	D279	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	27/1/1999	12D	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
139	D316	ĐỖ THỊ THU HIỀN	3/6/1999	12A1	Tùng Thiện	13.00	K.Khích
140	D320	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	11/26/2000	11D	Sơn Tây	13.00	K.Khích
141	D002	NGUYỄN ĐỨC ANH	11/22/2000	11A4	Kim Liên	12.75	K.Khích
142	D072	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	15/05/1999	12A6	Nguyễn Gia Thiều	12.75	K.Khích
143	D140	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	24/9/1999	12A2	Tây Hồ	12.75	K.Khích
144	D189	TRỊNH THU TRANG	10/09/2000	11D	Chu Văn An	12.75	K.Khích
145	D200	ĐỖ THỊ NGUYỆT VANG	2/18/1999	12D1	Ngọc Hồi	12.75	K.Khích
146	D219	TRẦN VĂN DŨNG	1/22/1999	12A7	Phú Xuyên A	12.75	K.Khích
147	D222	ĐINH VĂN ĐẠI	11/18/1999	12A2	Tô Hiệu - TTín	12.75	K.Khích
148	D235	LÊ THANH HIỀN	4/3/1999	12A12	Mỹ Đức A	12.75	K.Khích
149	D305	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	9/29/1999	12A4	Ngô Quyền	12.75	K.Khích
150	D315	ĐINH THỊ HẬU	9/27/1999	12A1	Hữu nghị T78	12.75	K.Khích
151	D324	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	11/1/1999	12A9	Ngọc Tảo	12.75	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
152	D344	CẦN THANH TÙNG	5/24/1999	12A5	Thạch Thất	12.75	K.Khích
153	D017	PHAN THỊ QUỲNH ANH	9/21/1999	12A6	Yên Viên	12.50	K.Khích
154	D093	VŨ MAI LINH	1/20/1999	12A2	Dương Xá	12.50	K.Khích
155	D114	TRƯƠNG HÀ MY	3/05/1999	12D5	Lê Quý Đôn - Đ Đa	12.50	K.Khích
156	D137	LƯƠNG THÚY QUỲNH	31/07/1999	12A7	Nguyễn Gia Thiều	12.50	K.Khích
157	D159	BÙI HÀ THU	8/31/2000	11G2	Newton	12.50	K.Khích
158	D161	NGUYỄN THỊ ANH PHƯƠNG	5/24/1999	12G	Đa Phúc	12.50	K.Khích
159	D192	MAI NGỌC PHƯƠNG TRINH	5/27/1999	12D1	Phan Đình Phùng	12.50	K.Khích
160	D254	NGHIÊM THỊ NGỌC KHUYÊN	3/13/1999	12A5	Đồng Quan	12.50	K.Khích
161	D300	CAO VĂN TUYỀN	1/4/1999	12A15	Chương Mỹ A	12.50	K.Khích
162	D303	NGUYỄN THỊ XUÂN	8/21/1999	12A14	Quốc Oai	12.50	K.Khích
163	D321	NGUYỄN QUANG HUY	11/23/1999	12A2	Đan Phượng	12.50	K.Khích
164	D345	TRẦN THỊ TUYẾN	24/10/1999	12A03	Hai Bà Trưng	12.50	K.Khích
165	D003	NGUYỄN HOÀNG ANH	25/6/1999	12D4	Phạm Hồng Thái	12.25	K.Khích
166	D050	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	11/9/2000	11G2	Newton	12.25	K.Khích
167	D124	CHU ANH QUÂN	30/6/2000	11D	Chu Văn An	12.25	K.Khích
168	D129	ĐÀO VĂN QUANG	5/17/1999	12A5	Cổ Loa	12.25	K.Khích
169	D214	NGUYỄN MINH CHÂU	4/4/1999	12V	Vân Tảo	12.25	K.Khích
170	D224	LÊ HƯƠNG GIANG	11/13/1999	12A7	Thanh Oai B	12.25	K.Khích
171	D241	ĐẶNG NHẬT HOÀNG	6/1/1999	12D	Nguyễn Huệ	12.25	K.Khích
172	D292	ĐỖ THANH TOÀN	11/28/1998	12A5	Thanh Oai B	12.25	K.Khích
173	D005	NGUYỄN LAN ANH	1/8/1999	12D6	Phạm Hồng Thái	12.00	K.Khích
174	D013	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG ANH	10/23/1999	12D5	Phan Đình Phùng	12.00	K.Khích
175	D033	HOÀNG THỊ KIM CÚC	1/7/1999	12A2	Trung Giã	12.00	K.Khích
176	D049	LƯU TIẾN ĐẠT	9/11/1999	12A2	Quang Minh	12.00	K.Khích
177	D058	LÊ THANH HẢI	3/28/1999	12A2	Yên Hòa	12.00	K.Khích
178	D168	LÝ THU THỦY	1/9/1999	12B11	Nguyễn Thị M.Khai	12.00	K.Khích
179	D206	VĂN HÀ ANH	7/7/1999	12A2	Vân Tảo	12.00	K.Khích
180	D267	PHẠM BÌNH MINH	6/22/1999	12A4	Thường Tín	12.00	K.Khích
181	D293	PHÍ TRINH MAI TRANG	25/8/1999	12D	Nguyễn Huệ	12.00	K.Khích
182	D307	LÊ THỊ THÙY DUNG	1/9/1999	12A2	Ba Vì	12.00	K.Khích
183	D342	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	19/9/1999	12A2	Ba Vì	12.00	K.Khích

MÔN : TIẾNG ANH

stt	sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	A124	VŨ ĐẶNG KHÁNH LINH	6/3/2000	11A1	HN- Amsterdam	18.75	Nhất
2	A044	PHẠM QUỲNH CHI	26/08/1999	12D2	Thăng Long	18.25	Nhất
3	A046	NGUYỄN THANH DUNG	25/11/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
4	A153	LÊ HOÀNG NAM	11/11/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.25	Nhất

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
5	A206	NGUYỄN HÀ THU	23/5/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.25	Nhất
6	A086	NGUYỄN MINH HƯƠNG	2/11/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
7	A184	VŨ THẢO PHƯƠNG	28/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
8	A207	NGUYỄN HOÀI THU	28/7/1999	12A1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
9	A224	HỒ HIỀN TRANG	21/5/2000	11A1	HN- Amsterdam	18.00	Nhất
10	A114	TRẦN NGỌC LAN	15/11/1999	12D5	Thăng Long	17.50	Nhì
11	A127	LÊ MẠNH LINH	19/9/2000	11A1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
12	A148	VŨ TUẤN MINH	20/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
13	A222	ĐỖ HÀ TRANG	16/9/2000	11A1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
14	A236	VŨ HOÀNG TRUNG	21/7/1998	12A1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
15	A244	NGUYỄN HÀ UYÊN	16/1/2000	11A2	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
16	A040	PHẠM TUẤN BẢO CHÂU	29/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
17	A059	VÕ THU GIANG	29/11/2000	11A1	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
18	A111	TRẦN MAI TÙNG LÂM	5/4/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
19	A204	NGUYỄN HUY THÔNG	22/7/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
20	A216	NGUYỄN TUỆ THY	21/8/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.25	Nhì
21	A083	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	28/4/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
22	A101	TRẦN NAM KHÁNH	24/8/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
23	A149	NGUYỄN TUỆ MINH	12/4/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
24	A172	NGUYỄN ĐÌNH TÔN NỮ	8/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
25	A180	VŨ MAI PHƯƠNG	5/1/2000	11A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
26	A186	NGUYỄN THU PHƯƠNG	11/2/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
27	A192	VƯƠNG NGỌC QUỲNH	30/09/1999	12A3	Thăng Long	17.00	Nhì
28	A200	KIM HƯƠNG THẢO	20/9/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
29	A211	LÊ MINH THỦY	11/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
30	A229	BÙI THANH TRANG	25/10/2000	11A1	HN- Amsterdam	17.00	Nhì
31	A233	VŨ THU TRANG	18/09/1999	12 Anh	Chu Văn An	17.00	Nhì
32	A241	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	31/01/2000	11B12	Nguyễn Thị M.Khai	17.00	Nhì
33	A332	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	1/10/2000	11A1	Nguyễn Huệ	17.00	Nhì
34	A400	NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG	3/22/2000	11 Anh	Sơn Tây	17.00	Nhì
35	A038	HỒ LÊ BÁCH	18/01/1999	12T3	Thăng Long	16.75	Nhì
36	A282	TẠ MINH HẰNG	8/9/1999	12A1	Nguyễn Huệ	16.75	Nhì
37	A386	NGUYỄN THÀNH SƠN	11/14/1999	12 Anh	Sơn Tây	16.75	Nhì
38	A012	LÊ MY ANH	7/6/2000	11D1	Việt Đức	16.50	Nhì
39	A015	NGUYỄN HOÀNG NHƯ ANH	1/8/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
40	A049	NGUYỄN LÊ THỦY DƯƠNG	24/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
41	A055	VŨ HOÀNG ĐẠT	25/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
42	A135	VƯƠNG NGUYỄN THỦY LINH	6/5/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
43	A178	NGÔ HÀ KIỀU PHƯƠNG	9/11/1999	12A2	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
44	A182	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	3/9/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
45	A228	LÊ MINH TRANG	9/6/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.50	Nhì
46	A297	NGUYỄN NGỌC KHUÊ	27/11/2000	11A1	Nguyễn Huệ	16.50	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
47	A030	NGUYỄN QUỲNH ANH	8/2/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
48	A109	PHẠM ĐỨC KIÊN	24/2/1998	12A1	HN- Amsterdam	16.25	Nhì
49	A239	NGUYỄN ANH TUẤN	8/10/1999	12D3	Phan Đình Phùng	16.25	Nhì
50	A349	VŨ HOÀNG YẾN	26/8/2000	11 Anh1	Nguyễn Huệ	16.25	Nhì
51	A004	ĐỖ HÀ ANH	22/9/1999	12D5	Trần Phú - HK	16.00	Nhì
52	A024	PHẠM QUẾ ANH	19/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
53	A054	PHAN HẢI ĐĂNG	29/10/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
54	A072	NGUYỄN MAI HIỀN	12/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
55	A087	NGUYỄN MINH HƯƠNG	30/10/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
56	A123	TRẦN KHÁNH LINH	19/10/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
57	A150	VĂN HÀ MY	17/6/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
58	A152	TRẦN ĐỨC NAM	26/12/2000	11 Anh	Chu Văn An	16.00	Nhì
59	A181	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	7/10/2000	11D1	Yên Hòa	16.00	Nhì
60	A183	CÙ NAM PHƯƠNG	24/09/1999	12 Anh	Chu Văn An	16.00	Nhì
61	A245	BÙI NGỌC BẢO VÂN	19/07/1999	12D1	Phan Đình Phùng	16.00	Nhì
62	A250	PHẠM KHÁNH VY	1/10/2000	11A1	HN- Amsterdam	16.00	Nhì
63	A289	NGUYỄN MẠNH HÙNG	12/10/2000	11A1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
64	A293	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	2/9/1999	12A1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
65	A343	NGUYỄN QUANG TÙNG	3/5/1999	12A1	Nguyễn Huệ	16.00	Nhì
66	A382	LÊ THU PHƯƠNG	8/23/2000	11 Anh	Sơn Tây	16.00	Nhì
67	A025	NGÔ QUỐC ANH	19/1/1999	12A1	HN- Amsterdam	15.75	Ba
68	A023	TRẦN NGÔ QUANG ANH	24/9/2000	11A2	HN- Amsterdam	15.50	Ba
69	A155	NGUYỄN TUẤN NAM	17/4/1999	12A1	HN- Amsterdam	15.50	Ba
70	A203	NGUYỄN THU THẢO	12/04/2000	11G1	Newton	15.50	Ba
71	A235	NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG	25/2/1999	12D3	Trần Phú - HK	15.50	Ba
72	A306	LÊ VŨ LONG	31/10/1999	12A1	Nguyễn Huệ	15.50	Ba
73	A070	TRẦN MỸ HẠNH	2/08/1999	12D4	Thăng Long	15.25	Ba
74	A112	CHU VŨ LÂM	20/11/2000	11 Anh	Chu Văn An	15.25	Ba
75	A168	LÊ ĐỨC NGUYỄN	18/03/1999	12A2	Yên Hòa	15.25	Ba
76	A176	BẠCH HÀ PHƯƠNG	6/15/1999	12A12	Trần Nhân Tông	15.25	Ba
77	A253	MAI ĐẶNG HÀ ANH	16/10/2000	11A1	Nguyễn Huệ	15.25	Ba
78	A003	NGUYỄN CHÂU ANH	16/12/2000	11A2	HN- Amsterdam	15.00	Ba
79	A007	TRẦN HIỀN ANH	01/05/1999	12 Anh	Chu Văn An	15.00	Ba
80	A009	NGUYỄN PHAN HỒNG ANH	5/07/1999	12D5	Phan Đình Phùng	15.00	Ba
81	A010	LÊ MINH ANH	24/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	15.00	Ba
82	A028	NGUYỄN QUỲNH ANH	13/8/1999	12D2	Phạm Hồng Thái	15.00	Ba
83	A036	TRẦN VÂN ANH	13/02/2000	11 Anh	Chu Văn An	15.00	Ba
84	A039	HỒ QUỐC BẢO	2/12/1999	12D1	Trần Phú - HK	15.00	Ba
85	A064	TRẦN PHƯƠNG HÀ	26/03/2000	11 Anh	Chu Văn An	15.00	Ba
86	A068	DOÃN MINH HẠNH	9/10/1999	12A1	HN- Amsterdam	15.00	Ba
87	A071	NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH	4/11/1999	12A	Vân Nội	15.00	Ba
88	A074	ĐẶNG TRẦN TRUNG HIẾU	23/12/1999	12D	Newton	15.00	Ba

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
89	A121	NGUYỄN KHÁNH LINH	25/10/1999	12D2	Phạm Hồng Thái	15.00	Ba
90	A137	NGUYỄN VĂN LINH	2/10/1999	12B1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	15.00	Ba
91	A202	ĐẶNG VŨ PHƯƠNG THẢO	21/09/1999	12D2	Nguyễn Tất Thành	15.00	Ba
92	A218	LÊ ĐỨC TOÀN	8/08/1999	12A10	Cao Bá Quát - GL	15.00	Ba
93	A246	VŨ TƯỜNG VÂN	7/10/1999	12A12	Kim Liên	15.00	Ba
94	A248	ĐÀO QUANG VINH	14/07/2000	11 Anh	Chu Văn An	15.00	Ba
95	A255	TRẦN ĐÌNH HOÀNG ANH	27/4/1999	12A1	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
96	A263	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	26/5/2000	11A1	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
97	A352	NGÔ THỊ THỰC YẾN	8/10/1999	12A2	Nguyễn Huệ	15.00	Ba
98	A371	NGÔ TRÀ MY	1/7/1999	12 Anh	Sơn Tây	15.00	Ba
99	A387	NGUYỄN SINH TÀI	10/24/1999	12A1	Đan Phượng	15.00	Ba
100	A398	NGUYỄN THỊ TRANG	3/13/1999	12 Anh	Sơn Tây	15.00	Ba
101	A058	NGUYỄN THỊ MY GIANG	30/06/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.75	Ba
102	A088	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	12/09/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.75	Ba
103	A132	PHẠM THÙY LINH	4/2/1998	12A1	HN- Amsterdam	14.75	Ba
104	A219	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	24/02/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.75	Ba
105	A237	LƯƠNG THỊ CẨM TÚ	19/02/1999	12B1	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.75	Ba
106	A257	ĐỖ THỊ LAN ANH	10/21/1999	12A1	Phú Xuyên B	14.75	Ba
107	A268	NGUYỄN THỊ MAI CHI	13/10/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.75	Ba
108	A378	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	7/21/2000	11 Anh	Sơn Tây	14.75	Ba
109	A051	VŨ CÔNG DUY	22/8/1999	12A6	Phạm Hồng Thái	14.50	Ba
110	A113	ĐINH THỊ DIỆU LAN	12/09/1999	12A	M.V. LÔMÔNÔXÔP	14.50	Ba
111	A125	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	17/05/1999	12A7	Đoàn Kết - HBT	14.50	Ba
112	A134	VŨ THÙY LINH	12/7/1999	12D0	Lương Thế Vinh	14.50	Ba
113	A154	LÊ PHƯƠNG NAM	04/05/2000	11 Anh	Chu Văn An	14.50	Ba
114	A158	HÀ THỊ NGÂN	21/10/1999	12A1	Yên Lãng	14.50	Ba
115	A165	NGUYỄN THU NGỌC	18/10/1999	12A9	Trung Văn	14.50	Ba
116	A221	ĐỖ TRẦN THU TRÀ	9/9/1999	11A1	HN- Amsterdam	14.50	Ba
117	A243	NGÔ HÀ UYÊN	3/11/1999	12A15	Kim Liên	14.50	Ba
118	A249	NGUYỄN THÀNH VINH	19/09/1999	12A3	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.50	Ba
119	A258	HOÀNG NGỌC ÁNH	19/10/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.50	Ba
120	A331	PHẠM THỊ THU THẢO	5/9/1999	12A0	Thanh Oai A	14.50	Ba
121	A362	CHU NGỌC HƯƠNG	8/29/1999	12A2	Ngô Quyền	14.50	Ba
122	A367	ĐẶNG HOÀNG NGUYỄN	12/27/1999	12A3	Quảng Oai	14.50	Ba
123	A402	NGUYỄN VĂN THIÊN	8/2/1999	12A1	Quảng Oai	14.50	Ba
124	A005	ĐÀO HẢI ANH	20/04/1999	12A14	Kim Liên	14.25	K.Khích
125	A047	ĐÀO THÙY DUNG	29/06/1999	12A6	Nguyễn Gia Thiều	14.25	K.Khích
126	A050	TRẦN TÙNG DƯƠNG	10/22/1999	12A2	Trần Nhân Tông	14.25	K.Khích
127	A069	NGUYỄN MINH HẠNH	17/09/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.25	K.Khích
128	A073	BÙI MINH HIẾU	13/07/1999	12D1	Phan Đình Phùng	14.25	K.Khích
129	A081	ĐINH CÔNG HÙNG	29/10/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.25	K.Khích
130	A110	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15/08/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.25	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
131	A116	PHẠM HỒNG LỊCH	5/9/1999	12A1	HN- Amsterdam	14.25	K.Khích
132	A147	PHẠM LÊ MINH	14/07/1999	12C	Thực nghiệm	14.25	K.Khích
133	A173	NGUYỄN THUY PHONG	12/10/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.25	K.Khích
134	A196	PHAN TRẦN THẾ SƠN	27/06/2000	11 Anh	Chu Văn An	14.25	K.Khích
135	A252	NGUYỄN BẢO HÀ ANH	5/10/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.25	K.Khích
136	A381	NGÔ NHƯ PHƯƠNG	3/12/1999	12 Anh	Sơn Tây	14.25	K.Khích
137	A389	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	12/12/1999	12A1	Quảng Oai	14.25	K.Khích
138	A395	TRẦN VIỆT TIẾN	12/22/1999	12 Anh	Sơn Tây	14.25	K.Khích
139	A403	NGUYỄN NHƯ Ý	4/16/1999	12 Anh	Sơn Tây	14.25	K.Khích
140	A008	NGÔ HOÀNG ANH	18/03/1999	12D4	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.00	K.Khích
141	A061	NGUYỄN VĂN GIANG	16/12/1999	12A1	Nguyễn Siêu	14.00	K.Khích
142	A066	LÊ HOÀNG HẢI	19/03/2000	11 Anh	Chu Văn An	14.00	K.Khích
143	A093	CAO VIỆT HUY	06/01/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.00	K.Khích
144	A108	LƯƠNG MINH KHUÊ	18/9/1999	12DDH	WINSCHOOL	14.00	K.Khích
145	A115	NGUYỄN HÀ LÊ	28/5/1999	12D0	Việt Đức	14.00	K.Khích
146	A120	DƯƠNG THỊ HẠNH LINH	3/03/1999	12A	M.V. LÔMÔNÔXÔP	14.00	K.Khích
147	A126	NGUYỄN MAI LINH	23/09/1999	12A14	Đồng Đa	14.00	K.Khích
148	A130	LÊ PHƯƠNG LINH	10/10/1999	12D5	Lê Quý Đôn - Đ Đa	14.00	K.Khích
149	A144	CAO THỊ SAO MAI	16/03/1999	12A5	Cổ Loa	14.00	K.Khích
150	A169	PHẠM ĐỨC NGUYỄN	23/12/1999	12D01	Lương Thế Vinh	14.00	K.Khích
151	A189	ĐINH MẠNH QUÂN	28/12/1999	12A1	HN- Amsterdam	14.00	K.Khích
152	A205	NGUYỄN HẢI THU	13/11/1999	12A1	Đào Duy Từ	14.00	K.Khích
153	A212	PHẠM THANH THỦY	26/9/1999	12D1	Việt Đức	14.00	K.Khích
154	A223	NGUYỄN HẠNH TRANG	16/11/1999	12 Anh	Chu Văn An	14.00	K.Khích
155	A231	MAI THU TRANG	28/08/1999	12A2	Phan Đình Phùng	14.00	K.Khích
156	A240	TRẦN QUANG TUẤN	24/1/1999	12A5	Việt Đức	14.00	K.Khích
157	A277	TÔ NGÂN HÀ	18/4/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.00	K.Khích
158	A303	ĐÀO TRẦN KHÁNH LINH	8/5/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.00	K.Khích
159	A323	NGUYỄN ĐỨC SƠN	25/2/1999	12A1	Nguyễn Huệ	14.00	K.Khích
160	A340	NGUYỄN THU TRANG	8/20/1999	12A6	Thường Tín	14.00	K.Khích
161	A366	LÊ KHÁNH LINH	6/13/1999	12 Anh	Sơn Tây	14.00	K.Khích
162	A388	PHAN THANH THẢO	12/29/1999	12 Anh	Sơn Tây	14.00	K.Khích
163	A397	NGUYỄN MINH TRANG	10/6/1999	12A6	Tân Lập	14.00	K.Khích
164	A096	DƯ THỊ THANH HUYỀN	23/12/1999	12D1	Bắc Thăng Long	13.75	K.Khích
165	A215	NGUYỄN VĂN THU THỦY	20/11/1999	12D1	Bắc Thăng Long	13.75	K.Khích
166	A013	NGUYỄN HUY NAM ANH	18/10/1999	12D1	Nguyễn Tất Thành	13.50	K.Khích
167	A077	TÔ HUY HOÀNG	2/25/1999	12A7	Trần Nhân Tông	13.50	K.Khích
168	A099	CODY TRẦN JACKSON	12/9/1999	12A1	HN- Amsterdam	13.50	K.Khích
169	A166	NGUYỄN AN NGUYỄN	26/8/1999	12A8	Lý Thường Kiệt	13.50	K.Khích
170	A188	ĐINH UYÊN PHƯƠNG	29/9/1999	12A1	Xuân Đình	13.50	K.Khích
171	A264	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	8/10/1999	12A1	Nguyễn Huệ	13.50	K.Khích
172	A294	VĂN KHÁNH HUYỀN	11/6/1999	12A1	Ứng Hòa B	13.50	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
173	A357	VŨ BÁCH	9/2/1999	12A3	FPT	13.50	K.Khích
174	A006	NGÔ HẢI ANH	19/8/1999	12D0	Việt Đức	13.25	K.Khích
175	A080	TÔ QUỐC HOÀNG	14/11/1999	12A1	Nguyễn Gia Thiều	13.25	K.Khích
176	A242	TRẦN DIỆU UYÊN	20/05/1999	12 Anh	Chu Văn An	13.25	K.Khích
177	A350	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	27/9/1999	12D3	Lê Quý Đôn - HĐ	13.25	K.Khích
178	A017	DƯƠNG PHƯƠNG ANH	26/12/1999	12A1	Kim Liên	13.00	K.Khích
179	A019	NGUYỄN GIA PHƯƠNG ANH	16/12/1999	12A6	Nhân Chính	13.00	K.Khích
180	A032	BÙI THẾ ANH	28/08/1999	12A4	Nguyễn Trãi - BĐ	13.00	K.Khích
181	A041	ĐỖ LAN CHI	28/07/1999	12 Anh	Chu Văn An	13.00	K.Khích
182	A075	ĐẶNG PHƯƠNG HOA	20/11/1999	12D1	Nguyễn Tất Thành	13.00	K.Khích
183	A084	TRẦN VIỆT HÙNG	17/02/1999	12A15	Kim Liên	13.00	K.Khích
184	A097	NGUYỄN THU HUYỀN	13/5/1999	12A7	LiênHà	13.00	K.Khích
185	A201	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	28/08/1999	12A6	Yên Viên	13.00	K.Khích
186	A210	PHÙNG MINH THÚY	3/05/1999	12A2	Dương Xá	13.00	K.Khích
187	A220	PHÙNG THU TRÀ	27/09/2000	11 Anh	Chu Văn An	13.00	K.Khích
188	A251	ĐỖ HẢI YẾN	12/09/1999	12A2	Cổ Loa	13.00	K.Khích
189	A261	PHẠM NHẬT ANH	1/11/1999	12A1	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
190	A295	PHẠM NGUYỄN THANH HUYỀN	11/18/1999	12A1	Ứng Hòa B	13.00	K.Khích
191	A326	NGUYỄN HOÀNG THẠCH	23/5/1999	12A2	Nguyễn Huệ	13.00	K.Khích
192	A376	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	1/8/1999	12A7	Phùng Khắc Khoan	13.00	K.Khích
193	A379	KHUẤT MINH PHƯƠNG	4/24/1999	12 Anh	Sơn Tây	13.00	K.Khích
194	A002	PHAN ANH	11/09/1999	12A14	Kim Liên	12.75	K.Khích
195	A014	NGUYỄN THỊ NGUYỄN ANH	18/8/1999	12H	Đào Duy Từ	12.75	K.Khích
196	A060	ĐÀM LÊ THỊ TRÀ GIANG	13/02/1999	12A6	Mê Linh	12.75	K.Khích
197	A100	KHÚC GIA KHẢI	9/02/1999	12D4	Phan Đình Phùng	12.75	K.Khích
198	A171	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	21/03/1999	12A4	Sóc Sơn	12.75	K.Khích
199	A208	NGUYỄN THỊ XUÂN THU	15/3/1999	12D3	Trần Phú - HK	12.75	K.Khích
200	A214	ĐỖ THIÊN THỦY	13/12/1999	12D	Nguyễn Gia Thiều	12.75	K.Khích
201	A325	VŨ THÁI SƠN	7/26/1999	12A7	Xuân Mai	12.75	K.Khích
202	A339	TRẦN THỊ TRANG	12/12/1999	12A7	Thường Tín	12.75	K.Khích
203	A383	NGÔ THỊ HỒNG QUYÊN	9/6/1999	12A6	Thạch Thất	12.75	K.Khích
204	TA01	DƯƠNG TÙNG ANH	12/16/1999	12A1	Hoàng Văn Thụ	12.75	K.Khích

MÔN : TIẾNG PHÁP

stt	sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	P034	NGUYỄN HỒNG PHÚC	24/7/2000	11P2	HN- Amsterdam	18.50	Nhất
2	P012	ĐỖ THÙY DƯƠNG	13/7/2000	11P1	HN- Amsterdam	18.00	Nhì
3	P014	HOÀNG NGÂN HÀ	7/6/1999	12P2	HN- Amsterdam	18.00	Nhì
4	P038	NGUYỄN DUY THÁI SƠN	02/12/1999	12P	Chu Văn An	18.00	Nhì
5	P050	LƯƠNG THỊ THU VÂN	15/9/1999	12P2	HN- Amsterdam	18.00	Nhì
6	P015	NGÔ NGÂN HÀ	16/1/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.75	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
7	P025	QUÁCH HOA MAI	14/1/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
8	P046	VŨ MINH TRANG	20/06/2000	11P	Chu Văn An	17.50	Nhì
9	P047	VÕ THU TRANG	23/1/1999	12P1	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
10	P048	ĐỖ ANH TRUNG	15/7/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.50	Nhì
11	P013	PHẠM LINH GIANG	3/3/1999	12P1	HN- Amsterdam	17.25	Ba
12	P039	NGUYỄN CAO THẮNG	6/6/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.25	Ba
13	P010	NGUYỄN MINH CHÂU	26/3/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.00	Ba
14	P020	TRẦN TRIỆU HÀ KHÁNH	10/9/2000	11P2	HN- Amsterdam	17.00	Ba
15	P026	TRẦN NGUYỄN NGỌC MAI	20/10/2000	11P1	HN- Amsterdam	16.50	Ba
16	P037	VŨ DIỆU QUỲNH	18/9/2000	11P1	HN- Amsterdam	16.50	Ba
17	P001	NGUYỄN BÁ HÀ AN	4/10/1999	12P2	HN- Amsterdam	16.25	Ba
18	P049	PHAN NGỌC TRƯỜNG	26/2/2000	11P1	, obvg jh nyutn	16.25	Ba
19	P007	TÔ QUỲNH ANH	25/5/1999	12P1	HN- Amsterdam	16.00	Ba
20	P016	BÙI MINH HẰNG	12/8/2000	11P2	HN- Amsterdam	16.00	Ba
21	P022	NGUYỄN DUY LINH	10/06/1999	12P	Chu Văn An	16.00	Ba
22	P027	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	15/12/2000	11 SN	Chu Văn An	16.00	Ba
23	P032	NGUYỄN MAI PHƯƠNG NHI	7/12/2000	11P2	HN- Amsterdam	15.75	K.Khích
24	P008	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	9/10/1999	12P1	HN- Amsterdam	15.50	K.Khích
25	P042	NGUYỄN ĐAN THI	22/11/1999	12P	Chu Văn An	15.50	K.Khích
26	P043	NGUYỄN MẬU ANH THƯ	4/1/2000	11P2	HN- Amsterdam	15.50	K.Khích
27	P011	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	25/12/1999	12 SN	Chu Văn An	15.25	K.Khích
28	P003	NGUYỄN KIỀU ANH	16/01/2000	11 SN	Chu Văn An	15.00	K.Khích
29	P006	PHẠM PHƯƠNG ANH	26/07/2000	11 SN	Chu Văn An	15.00	K.Khích
30	P021	BÙI MINH KHUÊ	25/08/2000	11 SN	Chu Văn An	15.00	K.Khích
31	P065	NGUYỄN THANH THẢO	2/9/1999	12P	Nguyễn Huệ	15.00	K.Khích
32	P017	BÙI MINH HIỂU	28/12/2000	11P2	HN- Amsterdam	14.75	K.Khích
33	P004	NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT ANH	18/6/1999	12P1	HN- Amsterdam	14.50	K.Khích
34	P029	MUÔN ĐỨC MINH	18/12/1999	12P1	HN- Amsterdam	14.25	K.Khích

MÔN : TIẾNG NGÀ

So tt	sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	N024	KIỀU THỊ NGỌC LINH	15/08/1998	12 Nga	HN- Amsterdam	19.00	Nhất
2	N016	LÊ THỊ THU HÀ	26/2/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	18.80	Nhì
3	N045	LÊ TỔ UYÊN	1/11/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	18.30	Nhì
4	N020	ĐỖ THANH HƯƠNG	30/10/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	17.95	Nhì
5	N009	TRIỆU PHƯƠNG DUNG	29/12/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	17.10	Nhì

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
6	N036	NGUYỄN CẨM NGỌC	29/10/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	17.05	Ba
7	N002	NGUYỄN THÚY AN	16/09/1999	12 Nga	HN- Amsterdam	16.85	Ba
8	N046	ĐINH THẢO VY	26/5/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	16.75	Ba
9	N010	NGUYỄN LÊ THÙY DƯƠNG	19/03/1999	12 Nga	HN- Amsterdam	16.70	Ba
10	N027	NGUYỄN QUỲNH MAI	09/11/1999	12 Nga	HN- Amsterdam	16.45	Ba
11	N044	NGUYỄN THỊ THƯ	18/11/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	16.35	Ba
12	N021	TRẦN KIM KHANH	13/10/2000	11 Nga	HN- Amsterdam	16.10	Ba
13	N015	ĐÀO MINH GIANG	24/11/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	15.70	K.Khích
14	N039	ĐỖ MINH PHƯƠNG	2/11/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	15.50	K.Khích
15	N014	LÊ HUỲNH ĐỨC	6/2/2000	11 Nga	Nguyễn Huệ	15.40	K.Khích
16	N026	VŨ THANH LONG	11/12/2000	11 Nga	Nguyễn Huệ	15.35	K.Khích
17	N037	NGUYỄN HẢI NGỌC	1/7/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	15.35	K.Khích
18	N003	VŨ HẢI ANH	05/10/2000	11 Nga	HN- Amsterdam	13.85	K.Khích
19	N004	LÊ MINH ANH	31/05/1999	12 Nga	HN- Amsterdam	13.60	K.Khích
20	N007	TRẦN TÚ ANH	24/01/1999	12 Nga	HN- Amsterdam	13.60	K.Khích
21	N042	LƯU HIỀN THẢO	26/8/1999	12 Nga	Nguyễn Huệ	12.95	K.Khích
22	N008	ĐÀO THỊ NGỌC DIỄM	16/8/2000	11 Nga	Nguyễn Huệ	12.70	K.Khích
23	N006	DƯƠNG QUỲNH ANH	20/3/2000	11 Nga	Nguyễn Huệ	12.60	K.Khích

MÔN : TIẾNG TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	R010	LÂM HÂN DĨNH	05/07/1999	12TR	HN- Amsterdam	19.75	Nhất
2	R004	NGUYỄN NHẬT ANH	27/10/1999	12TR	HN- Amsterdam	18.55	Nhì
3	R007	TRẦN QUỲNH ANH	11/02/1999	12TR	HN- Amsterdam	18.55	Nhì
4	R011	ĐỖ TUẤN KIẾT	10/17/2000	10	Đại Mỗ	18.30	Nhì
5	R001	NGUYỄN HẠ ANH	01/05/1999	12TR	HN- Amsterdam	17.80	Ba
6	R026	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	03/07/1999	12TR	HN- Amsterdam	17.80	Ba
7	R028	NGUYỄN THẢO VY	9/19/2000	11	Phạm Hồng Thái	16.10	Ba
8	R027	VŨ HOÀNG VIỆT	22/05/2000	11TR	HN- Amsterdam	15.40	Ba
9	R024	LÝ QUYÊN QUYÊN	31/08/2000	11Địa	HN- Amsterdam	15.35	Ba
10	R025	BÙI PHƯƠNG THẢO	23/06/2000	11TR	HN- Amsterdam	14.90	K.Khích
11	R018	VŨ NHẬT CHI MAI	01/05/2000	11Anh	HN- Amsterdam	14.60	K.Khích
12	R016	NGUYỄN PHAN VÂN LINH	11/09/1999	12TR	HN- Amsterdam	14.25	K.Khích
13	R003	NGUYỄN NGUYỆT ANH	03/10/2000	11TR	HN- Amsterdam	13.95	K.Khích
14	R014	KIM NGUYỄN DIỆP LINH	25/10/1999	12TR	HN- Amsterdam	13.95	K.Khích

stt	sbd	Họ và tên	ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
MÔN : TIẾNG ĐỨC							
STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	DU24	VŨ HÀ VY	20/9/1998	12D0	Việt Đức	17.00	Nhất
2	DU05	NGUYỄN MINH ANH	22/10/1999	12D0	Việt Đức	16.00	Nhì
3	DU16	PHẠM MAI LINH	24/1/1999	12D5	Việt Đức	16.00	Nhì
4	DU01	NGUYỄN HÀ ANH	25/7/1999	12D5	Việt Đức	15.50	Ba
5	DU23	HOÀNG HƯƠNG TRANG	23/6/1999	11D2	Việt Đức	15.50	Ba
6	DU08	LƯƠNG THỊ VÂN ANH	18/11/1998	12D0	Việt Đức	14.75	Ba
7	DU18	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	23/11/2000	12D0	Việt Đức	14.50	Ba
8	DU22	NGÔ VIỆT QUỲNH NHƯ	1/12/2000	11A4	Việt Đức	14.25	K.Khích
9	DU13	TRẦN NGỌC MINH HIỀN	1/9/1999	12D5	Việt Đức	14.00	K.Khích
10	DU19	HÀ MINH	2/4/1999	12D5	Việt Đức	13.75	K.Khích
11	DU14	ĐỖ MẠNH HOÀNG	28/11/1999	11D2	Việt Đức	13.50	K.Khích
12	DU04	ĐẶNG HUY ANH	25/4/1999	12D5	Việt Đức	13.25	K.Khích
MÔN : TIẾNG NHẬT							
stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Điểm	Giải
1	NH18	NGUYỄN HỒNG NHUNG	24/02/1999	12Nh	Chu Văn An	17.00	Nhất
2	NH14	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	22/02/1999	12Nh	Chu Văn An	16.75	Nhì
3	NH06	TRẦN THÙY DƯƠNG	23/09/1999	12Nh	Chu Văn An	16.25	Nhì
4	NH17	NGUYỄN TUẤN NGHĨA	22/01/1999	12Nh	Chu Văn An	16.25	Nhì
5	NH01	PHẠM BÌNH AN	02/09/1999	12Nh	Chu Văn An	15.75	Ba
6	NH03	ĐÀO NAM ANH	9/29/1999	12A9	Kim Liên	15.75	Ba
7	NH05	TẠ DUY ĐỨC	5/31/1999	12A9	Kim Liên	15.50	Ba
8	NH10	HOÀNG THU HƯƠNG	26/07/1999	12Nh	Chu Văn An	15.50	Ba
9	NH11	ĐỖ HÀ KHANH	11/7/1999	12N1	Việt Đức	15.00	K.Khích
10	NH15	TRẦN DIỆU MINH	02/12/1999	12Nh	Chu Văn An	15.00	K.Khích
11	NH09	TRẦN HÀ MINH HƯƠNG	19/06/1999	12Nh	Chu Văn An	14.75	K.Khích
12	NH13	HUỲNH PHƯƠNG LINH	01/09/1999	12Nh	Chu Văn An	14.50	K.Khích
13	NH24	NGUYỄN CẨM THU	12/08/1999	12Nh	Chu Văn An	14.25	K.Khích